CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI HOÀNG GIA PHÁT
Đ/c : Số 66/47 Trần Đại Nghĩa, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
MST : 0318141355 ✉: tuvanhoanggiaphat@gmail.com

HỒ SƠ YÊU CẦU
GÓI THẦU XÂY LẮP

GÓI THẦU : **XÂY LẮP**
CÔNG TRÌNH : **XÂY DỰNG ĐÀI NƯỚC, TUYẾN ỐNG**
ĐỊA ĐIỂM : **XÃ TÂN TẬP, TỈNH TÂY NINH**
CHỦ ĐẦU TƯ : **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ TÂN TẬP**

(Theo Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tp. Hồ Chí Minh năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU
GÓI THẦU XÂY LẮP

Số 543/2026/HSYC
Ngày 06 tháng 10 năm 2026

GÓI THẦU : **XÂY LẮP**
CÔNG TRÌNH : **XÂY DỰNG ĐÀI NƯỚC, TUYẾN ỐNG**
ĐỊA ĐIỂM : **XÃ TÂN TẬP, TỈNH TÂY NINH**

TƯ VẤN LẬP HSYC
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI HOÀNG GIA PHÁT
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0318141355 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI HOÀNG GIA PHÁT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Khắc Thông

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN XÃ TÂN TẬP
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

U.B.N.D XÃ TÂN TẬP T. TÂY NINH BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Đỗ Văn Núi

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15
Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Nghị định số 349/2026/NĐ-CP	Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Thông tư số 79/2025/TT-BTC	Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
Thông tư số 134/2026/TT-BTC	Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu
VND	Đồng Việt Nam
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Chủ đầu tư Ban Quản lý Dự án xã Tân Tập - Địa chỉ: ĐT.826C, ấp Tây, xã Tân Tập, tỉnh Tây Ninh.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách xã.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: 120 ngày, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC, nhà thầu gửi yêu cầu làm rõ đến Chủ đầu tư trên Hệ thống trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu trên Hệ thống. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSĐX thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

3. Nhà thầu nên đi khảo sát hiện trường công trình cũng như khu vực liên quan và tự chịu trách nhiệm tìm hiểu mọi thông tin cần thiết để lập HSĐX cũng như thực hiện hợp đồng thi công công trình nếu trúng thầu. Toàn bộ chi phí đi khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSĐX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSĐX được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).

Mục 6. Thành phần của HSĐX

HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III, tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu;

2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương III (đối với trường hợp liên danh);

3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;

4. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 8 Chương này;

5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C hoặc Mẫu số 04D hoặc Mẫu số 04E Chương III;

6. Các nội dung khác: Không có.

Mục 7. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu phải nộp HSĐX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

Mục 8. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương IV để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

Mục 9. Hiệu lực của HSĐX

1. Thời gian có hiệu lực của HSĐX phải bảo đảm theo yêu cầu là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, Chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Chuẩn bị và nộp HSĐX.

Nhà thầu chuẩn bị HSĐX theo quy định tại Mục 6 Chương này và đính kèm trên Hệ thống. Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSĐX trên Hệ thống. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp HSĐX sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSĐX do nhà thầu nộp trên Hệ thống phải bảo đảm trước thời điểm đóng thầu do chủ đầu tư quy định tại thông báo phát hành HSYC.

2. Mở thầu:

Chủ đầu tư tiến hành mở thầu sau thời điểm đóng thầu để tải HSĐX và lập Biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu bao gồm các nội dung sau:

- Tên nhà thầu (tham dự độc lập hay liên danh);
- Giá dự thầu chào trong đơn dự thầu;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSĐX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư.

Mục 12. Nhà thầu phụ

Các phần công việc của gói thầu không được sử dụng nhà thầu phụ bao gồm: Không có, nhà thầu được kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10A Chương III. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.

2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá 10% trên giá dự thầu của nhà thầu. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.

3. Nhà thầu phụ đặc biệt: Không được phép sử dụng.

Trong trường hợp được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu phải kê khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 10B Chương III và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Tổ chuyên gia sẽ đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.3 Chương II. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt do nhà thầu đề xuất trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu của HSYC (hoặc không đề xuất nhà thầu phụ đặc biệt) và nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì nhà thầu được phép đề xuất nhà thầu phụ đặc biệt hoặc thay thế nhà thầu phụ đặc biệt khác đáp ứng yêu cầu. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà thầu phụ đặc biệt.

4. Việc quản lý nhà thầu phụ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 141 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và Điều 17 Nghị định số 349/2026/NĐ-CP.

Mục 13. Đánh giá HSĐX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương II. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu; thương thảo về giá bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế.

Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ điều kiện sau đây:

1. Có HSĐX hợp lệ;

2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;

3. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu;
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện gói thầu.

b) Thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu:

- Tên nhà thầu;
- Mã số thuế (nếu có);
- Giá dự thầu;
- Giá trúng thầu;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Tên, phạm vi công việc, tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có).

c) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

d) Tài liệu đính kèm bao gồm:

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Biên bản mở thầu theo quy định tại Mục 11;
- Bản scan báo cáo đánh giá HSĐX có chữ ký của tất cả thành viên trong tổ chuyên gia *(không bắt buộc kèm theo các phiếu chấm của thành viên trong tổ chuyên gia)*.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu tại khoản này.

2. Hồ sơ yêu cầu được công khai đồng thời với thời điểm chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu và hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được chỉ định thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSYC này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị

1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu:

a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Hội đồng giải quyết kiến nghị xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư trong trường hợp nhà thầu gửi đơn kiến nghị trực tiếp: Ban Quản lý Dự án xã Tân Tập - Địa chỉ: ĐT.826C, ấp Tây, xã Tân Tập, tỉnh Tây Ninh - Email: dtbantantap@gmail.com. Trường hợp gửi kiến nghị đến Chủ đầu tư trên Hệ thống, nhà thầu thực hiện theo hướng dẫn trên Hệ thống.

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân xã Tân Tập - Địa chỉ: Đường tỉnh 830, xã Tân Tập, tỉnh Tây Ninh - Email: tantap@tayninh.gov.vn.

- Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng giải quyết kiến nghị: Sở tài chính tỉnh Tây Ninh – Địa chỉ: Số 61 Trương Định, Phường Long An, tỉnh Tây Ninh - Email: stc@tayninh.gov.vn.

2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu:

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: Quy trình giải quyết kiến nghị thực hiện theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP.

Mục 19. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

Ưu đãi: Không có.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;

b) Hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;

c) Trường hợp liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 (04A hoặc 04B hoặc 04C hoặc 04D hoặc 04E) Chương III hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;

d) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I;

đ) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.1, 2.2 và 2.3. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá HSĐX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSĐX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSĐX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 10C Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
				Nhà thầu liên danh		
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	**Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu**	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu thầu [1].	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2	**Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế**	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế[2] của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh
3	**Năng lực tài chính**					
3.1	**Kết quả hoạt động tài chính[3]**	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ phải trả)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09A
3.2	**Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)**	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là **6.303.724.000 VND**.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09A

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
3.3	**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu**	Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng hoặc không yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng: **Có yêu cầu:** Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao[4], hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là **1.361.605.000 VND.** Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện: - Giá trị tối thiểu: **1.361.605.000 VND**; - Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 30 tháng 06 năm 2027. - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.”	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09B, 09C
4	**Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự**	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn[5] tối thiểu 02 công trình có: Loại kết cấu: Đường ống cấp nước (công trình giao thông đường bộ	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với	Mẫu số 06

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		hoặc hạ tầng kỹ thuật), cấp IV trở lên, trong đó ít nhất một công trình có giá trị ≥ **2.269.341.000 VND** và tổng giá trị tất cả các công trình ≥ **4.538.682.000 VND**, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý(6) hoặc nhà thầu phụ. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn(5) 01 có: Loại kết cấu: Công trình giao thông đường bộ hoặc hạ tầng kỹ thuật (phải có hạng mục cấp nước), từ Cấp IV trở lên, và có giá trị ≥ **4.538.682.000 VND** thì được coi là đáp ứng. ***Nhà thầu phải kèm bản Scan các tài liệu để chứng minh:*** *1/ Hợp đồng thi công và Bảng giá ký hợp đồng;* *2/ Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư,* *3/ Hóa đơn GTGT của các đợt thanh toán;* *4/ Tài liệu chứng minh quy mô, cấp công trình.* *Ghi chú:* *- Trường hợp nhà thầu phụ phải kèm theo văn bản chấp thuận nhà thầu phụ của Chủ đầu tư.*			phần công việc đảm nhận)	

Ghi chú:

(1) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(4) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp HSYC có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm cam kết cung cấp tín dụng trong HSĐX.

(5) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(6) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu.

a) Nhân sự chủ chốt

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong HSYC cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. HSYC không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Trường hợp HSYC có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này) thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSĐX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 07A, 07B và 07C Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
1	Chỉ huy trưởng	01	Tối thiểu 03 năm hoặc 01 Hợp đồng	Tốt nghiệp từ Cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành đào tạo về Giao thông đường bộ hoặc Cầu đường hoặc cấp thoát nước hoặc kỹ thuật tài nguyên nước hoặc các chuyên ngành kỹ thuật có liên quan; Có Giấy chứng nhận (hoặc chứng chỉ) huấn luyện An toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực;

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
				Đã làm chỉ huy trưởng tối thiểu 01 công trình Đường ống cấp nước (Công trình giao thông đường bộ hoặc hạ tầng kỹ thuật), có giá trị hợp đồng ≥ **2.269.341.000 VND.** ***Nhà thầu phải cung cấp bản scan các tài liệu sau:*** *1/ Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên + Giấy chứng nhận (hoặc chứng chỉ) huấn luyện AT,VSLĐ;* *2/ Hợp đồng thi công + Bảng giá ký hợp đồng;* *3/ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư;* *4/ Quyết định thành lập Ban chỉ huy công trình;* *5/ Tài liệu chứng minh quy mô, loại công trình;* *6/ Tài liệu chứng minh nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.*
2	Cán bộ kỹ thuật phụ trách thi công xây dựng	01	Tối thiểu 02 năm hoặc 01 Hợp đồng	Tốt nghiệp từ Cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành đào tạo về Giao thông đường bộ hoặc Cầu đường hoặc cấp thoát nước hoặc kỹ thuật tài nguyên nước hoặc các chuyên ngành kỹ thuật khác có liên quan; Đã phụ trách thi công hạng mục đường tối thiểu 01 Đường ống cấp nước (công trình giao thông đường bộ hoặc hạ tầng kỹ thuật). ***Nhà thầu phải cung cấp bản scan các tài liệu sau:*** *1/ Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên;* *2/ Hợp đồng thi công + Bảng giá ký hợp đồng;* *3/ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư;* *4/ Quyết định thành lập Ban chỉ huy công trình;* *5/ Tài liệu chứng minh quy mô, loại công trình;* *6/ Tài liệu chứng minh nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.*

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
3	Cán bộ kỹ thuật phụ trách thi công hệ thống cấp nước	01	Tối thiểu 02 năm hoặc 01 Hợp đồng	Tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành đào tạo về cấp – thoát nước hoặc Hạ tầng kỹ thuật hoặc kỹ thuật tài nguyên nước; Đã phụ trách thi công tối thiểu 01 công trình Đường ống cấp nước (công trình giao thông đường bộ hoặc hạ tầng kỹ thuật). ***<u>Nhà thầu phải cung cấp bản scan các tài liệu sau:</u>*** *1/ Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên;* *2/ Hợp đồng thi công + Bảng giá ký hợp đồng;* *3/ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư;* *4/ Quyết định thành lập Ban chỉ huy công trình;* *5/ Tài liệu chứng minh quy mô, loại công trình;* *6/ Tài liệu chứng minh nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.*
4	Cán bộ kỹ thuật phụ trách an toàn lao động	01	Tối thiểu 02 năm hoặc 01 Hợp đồng	Tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên; Có giấy chứng nhận (hoặc chứng chỉ) huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực *(trừ trường hợp nhân sự tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành an toàn lao động hoặc bảo hộ lao động).* Đã phụ trách an toàn lao động tối thiểu 01 công trình Đường ống cấp nước (công trình giao thông đường bộ hoặc hạ tầng kỹ thuật). ***<u>Nhà thầu phải cung cấp bản scan các tài liệu sau:</u>*** *1/ Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên;* *2/ Giấy chứng nhận (hoặc chứng chỉ) huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực;* *3/ Hợp đồng thi công + Bảng giá ký hợp đồng;* *4/ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư;*

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
				5/ Quyết định thành lập Ban chỉ huy công trình; *6/ Tài liệu chứng minh quy mô, loại công trình;* *7/ Tài liệu chứng minh nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.*
5	Cán bộ phụ trách thanh quyết toán	01	Tối thiểu 02 năm hoặc 01 Hợp đồng	Tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên. Đã phụ trách thanh quyết toán tối thiểu 01 công trình Đường ống cấp nước (công trình giao thông đường bộ hoặc hạ tầng kỹ thuật). ***Nhà thầu phải cung cấp bản scan các tài liệu sau để chứng minh:*** *1/ Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên;* *2/ Hợp đồng thi công + Bảng giá ký hợp đồng;* *3/ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư;* *4/ Quyết định thành lập Ban chỉ huy công trình;* *5/ Tài liệu chứng minh quy mô, loại công trình;* *6/ Tài liệu chứng minh nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.*

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu đề xuất trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong HSĐX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 07D Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu

TT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	**Ô tô tải tự đổ (khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông ≥ 07 tấn)** *Nhà thầu phải cung cấp bản scan các tài liệu sau để chứng minh:* *- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để chứng minh sở hữu của nhà thầu hoặc sở hữu của đơn vị cho thuê và hợp đồng thuê mướn.* *- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực.*	01
2	**Máy đào, dung tích gầu ≥ 0,5 m3.** *Nhà thầu phải cung cấp bản scan các tài liệu sau để chứng minh:* *- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng hoặc hóa đơn, chứng từ để chứng minh sở hữu của nhà thầu hoặc sở hữu của đơn vị cho thuê và hợp đồng thuê mướn.* *- Tài liệu chứng minh các thiết bị thi công đã được kiểm định kỹ thuật theo đúng quy định và đủ điều kiện để đưa vào sử dụng còn hiệu lực.*	01
3	**Máy hàn.** *Nhà thầu phải cung cấp bản scan các tài liệu sau để chứng minh: Hóa đơn, chứng từ để chứng minh sở hữu của nhà thầu hoặc sở hữu của đơn vị cho thuê và hợp đồng thuê mướn.*	02

TT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
4	**Máy khoan bê tông.** *Nhà thầu phải cung cấp bản scan các tài liệu sau để chứng minh: Hóa đơn, chứng từ để chứng minh sở hữu của nhà thầu hoặc sở hữu của đơn vị cho thuê và hợp đồng thuê mướn.*	02
5	**Mắt cắt bê tông.** *Nhà thầu phải cung cấp bản scan các tài liệu sau để chứng minh: Hóa đơn, chứng từ để chứng minh sở hữu của nhà thầu hoặc sở hữu của đơn vị cho thuê và hợp đồng thuê mướn.*	02
6	**Máy đầm bàn.** *Nhà thầu phải cung cấp bản scan các tài liệu sau để chứng minh: Hóa đơn, chứng từ để chứng minh sở hữu của nhà thầu hoặc sở hữu của đơn vị cho thuê và hợp đồng thuê mướn.*	02

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có): Không có.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

- **Đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt:**

1. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Bản vẽ và thuyết minh tổ chức mặt bằng công trường.	Có bản vẽ và thuyết minh tổ chức mặt bằng công trường đáp ứng theo yêu cầu.	Đạt
	Không có hoặc có thuyết minh tổ chức mặt bằng công trường nhưng không đầy đủ hoặc không đáp ứng theo yêu cầu.	*Không đạt*
1.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ.	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ	Đạt
	Không có hoặc có sơ đồ hoặc có thuyết minh sơ đồ nhưng không phù hợp.	*Không đạt*
Kết luận	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	***Không đạt***

2. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Công tác thi công đào, đắp đường ống; Công tác thi công cừ tràm; Công tác thi công vải địa kỹ thuật; Công tác thi công mặt đường bê tông nhựa nóng.	Có đề xuất đầy đủ thuyết minh, bản vẽ biện pháp tổ chức thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với Hồ sơ thiết kế được duyệt cho từng công tác.	Đạt
Công tác thi công lắp đặt Ống HDPE và phụ kiện; Công tác thi công thử áp lực đường ống; Công tác thi công khử trùng đường ống. Giải pháp đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công.	Không có đề xuất đầy đủ thuyết minh hoặc bản vẽ biện pháp tổ chức thi công cho từng công tác hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với Hồ sơ thiết kế được duyệt.	*Không đạt*
Kết luận	Được xác định là đạt.	**Đạt**
	Được xác định là không đạt.	***Không đạt***

3. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công không quá 120 ngày, có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công.	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 120 ngày, có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt
	Đề xuất thời gian thi công > 120 ngày.	*Không đạt*
3.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công; b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công;	Có đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 03 nội dung a), b). *(Kèm biểu đồ để chứng minh)*	Đạt
	Không đề xuất 03 nội dung a), b) và hoặc có nhưng không đầy đủ, không phù hợp.	*Không đạt*
3.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSYC	Có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSYC. *(kèm biểu tiến độ thi công).*	Đạt
	Không có hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	*Không đạt*
Kết luận	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	***Không đạt***

4. Cách thức quản lý dự án:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Tổ chức quản lý dự án	Có biện pháp tổ chức quản lý dự án hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Đạt
	Không có hoặc có biện pháp tổ chức quản lý dự án nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	*Không đạt*
4.2. Tổ chức quản lý hiện trường	Có biện pháp tổ chức quản lý hiện trường hợp lý, khả thi và phù hợp phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Đạt
	Không có hoặc có biện pháp tổ chức quản lý hiện trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	*Không đạt*
Kết luận	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	***Không đạt***

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc không hợp lý hoặc không khả thi hoặc không phù hợp với biện pháp tổ chức thi công.	*Không đạt*
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	*Không đạt*
5.3 Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão.	Có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hợp lý, khả thi phù hợp với với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có hoặc có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	*Không đạt*
Kết luận	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	***Không đạt***

6. An toàn lao động, An toàn giao thông, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. An toàn lao động gồm: - Biện pháp an toàn lao động trong công tác thi công. - Biện pháp an toàn cho các công trình liền kề, an toàn cho dân cư xung quanh công trình.	Có biện pháp đảm bảo an toàn lao động hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	*Không đạt*

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.2. An toàn giao thông: Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có hoặc có nhưng không hợp lý hoặc không khả thi hoặc không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	*Không đạt*
6.3. Vệ sinh môi trường	Có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có hoặc có nhưng không hợp lý hoặc không khả thi hoặc không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	*Không đạt*
Kết luận	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	***Không đạt***

7. Bảo hành công trình:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Bảo hành.	Đề xuất thời gian bảo hành ≥ 12 tháng	Đạt
	Không có hoặc có đề xuất thời gian bảo hành < 12 tháng.	*Không đạt*
7.2. Bảo trì.	Có đề xuất kế hoạch, quy trình bảo trì công trình trong thời gian bảo hành.	Đạt
	Không có đề xuất kế hoạch, quy trình bảo trì công trình trong thời gian bảo hành	*Không đạt*
Kết luận	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	***Không đạt***

8. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong vòng 03 năm trở lại đây bao gồm:	Nhà thầu không hoặc có 01 hợp đồng (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) vi phạm một trong các nội dung "a", "b' và "c".	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
a) Tiến độ thực hiện hợp đồng; b) Chất lượng hàng hóa, dịch vụ, công trình, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) và các yếu tố khác có liên quan; c) Vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và lý do.	*(Nhà thầu phải cam kết nội dung này).*	
	Nhà thầu không có cam kết hoặc có 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) vi phạm một trong các nội dung "a", "b' và "c". *(Ghi chú: Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện Nhà thầu vi phạm một trong các nội dung được quy định trên thì HSĐX của nhà thầu được đánh giá là không đạt ở mục này).*	*Không đạt*
Kết luận	Được xác định là đạt.	**Đạt**
	Được xác định là không đạt.	***Không đạt***

9. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
9.1. Đối với các vật tư, vật liệu quy định tại Mục III, Chương IV của HSYC.	Có bảng liệt kê danh mục vật tư, vật liệu chủ yếu đầy đủ theo quy định tại Mục III, Chương IV của HSYC.	Đạt
	Không có bảng liệt kê hoặc có nhưng không liệt kê đầy đủ danh mục vật tư chủ yếu theo quy định tại mục Khoản III.2, Mục III, Chương IV của HSYC.	*Không đạt*
9.2. Đối với các vật tư, vật liệu: - Xi măng, Cát, đá. - Bê tông nhựa. - Ống HDPE và phụ kiện. - Vải địa kỹ thuật	Có hợp đồng nguyên tắc dành riêng cho gói thầu này và đính kèm giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu.	Đạt
	Không có hợp đồng nguyên tắc dành riêng cho gói thầu này và Giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu.	*Không đạt*
Kết luận	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	**Đạt**
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	***Không đạt***

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 được đánh giá là đạt, Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, *__[Ghi tên nhà thầu],* có địa chỉ tại _____*[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* cam kết thực hiện gói thầu*__[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là*__[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]* cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của HSYC].*

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu[(2)].

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Những thông tin kê khai trong HSĐX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSĐX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSĐX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu[1]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là__*[Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của __ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại_ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho___ *[Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu__ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc ___ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* do___ *[Ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được chỉ định thầu.] [2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của____ *[Ghi tên nhà thầu]*. ____ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Gói thầu: _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ [1]_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ[1]_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ HSYC Gói thầu: _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất:_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai:_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n:_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ *[Ghi tên của liên danh]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ *[Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau(2):

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSĐX cho cả liên danh.

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây (3):

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh *(Hệ thống tự động trích xuất)*	- ___ - ___	- ___% - ___%

2	Tên thành viên thứ 2	- ___ - ___	- ___% - ___%
....	....	....	.....
Tổng cộng		**Toàn bộ công việc của gói thầu**	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

Mẫu số 04A

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU[1]

(Đối với loại hợp đồng trọn gói)

STT	Mô tả công việc[2]	Khối lượng tham khảo[3]	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục[4]
I	**TUYẾN T1 ĐƯỜNG ĐÊ TÂN THÀNH**			
1	Cào bóc lớp mặt đường bê tông Asphalt bằng máy cào bóc Wirtgen C1000, chiều dày lớp bóc ≤ 7cm	100m2	0,113	
2	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô tự đổ 7T, chiều dài lớp bóc ≤ 7cm	100m2	0,113	
3	Cắt khe đường nhựa, nền bê tông	10m	81,000	
4	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng búa căn khí nén 3m3/ph	m3	18,225	
5	Đào đá 0x4, máy đào 0,4m3, đất cấp IV (70%)	100m3	0,016	
6	Đào đá 0x4 bằng thủ công, rộng ≤ 1m, sâu ≤1m, đất cấp IV (30%)	m3	0,675	
7	Đào đất đặt ống, bằng máy đào 0,4m3, đất cấp II (70%)	100m3	8,018	
8	Đào đường ống đất cấp II (30%)	m3	343,609	
9	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90 (70%)	100m3	1,829	
10	Đắp cát công trình bằng thủ công (30%)	m3	78,359	
11	Đóng cọc gỗ (hoặc cọc tràm) bằng máy đào 0,5m3, chiều dài cọc > 2,5m, đất cấp II	100m	27,300	
12	Chi phí mua tấm phên tre chặn đất	tấm	1.820,000	
13	Lắp dựng tấm phên tre	m2	1.820,000	
14	Rải vải địa kỹ thuật TS20 làm móng công trình	100m2	37,778	
15	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,9 (70%)	100m3	5,727	
16	Đắp đất nền móng công trình, nền đường (30%)	m3	245,445	
17	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi ≤ 1000m, đất cấp II	100m3	3,478	
18	Dây cảnh báo	m	3.285,000	
19	Lớp nilong chống thấm	100m2	1,823	

STT	Mô tả công việc[2]	Khối lượng tham khảo[3]	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục[4]
20	Hoàn trả lớp Đá 0x4, dày 200mm	100m3	0,023	
21	Hoàn trả Bê tông nền đá 1x2, mác 200	m3	18,225	
22	Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0 kg/m2	100m2	0,113	
23	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại BTNC12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 7cm	100m2	0,113	
24	Vận chuyển đá dăm đen, bê tông nhựa từ trạm trộn đến vị trí đổ, cự ly 4 km, ô tô tự đổ 10 tấn	100tấn	0,019	
25	Vận chuyển đá dăm đen, bê tông nhựa từ trạm trộn đến vị trí đổ, vận chuyển 1 km tiếp theo, ô tô tự đổ 10 tấn	100tấn	0,019	
26	Đào cọc định vị, đất cấp II	m3	3,264	
27	Đắp đất nền móng công trình, nền đường	m3	1,006	
28	Bê tông cọc định vị đá 1x2, M200	m3	2,013	
29	Ván khuôn cọc định vị	100m2	0,218	
30	Cọc định vị (KT: 0,1x0,12x1m) - sơn màu xanh và ghi chú	cái	34,000	
31	Lắp đặt các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 35kg	cấu kiện	34,000	
32	Sơn cọc định vị	m2	6,392	
33	Gia công hệ khung dàn	tấn	0,087	
34	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn, sàn đạo trên cạn	tấn	0,087	
35	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	4,346	
36	Cung cấp và lắp đặt bulong và tán M16x200	cái	8,000	
37	Cung cấp và lắp đặt bulong và tán M14x80	cái	114,000	
38	Ống HDPE D160 - PN8 (Đào mương)	100m	32,850	
39	Ống HDPE D160 - PN8 (Qua cầu)	100m	1,150	
40	Ống HDPE D100 - PN8	100m	0,040	
41	Ống HDPE D160 gân thành đôi	100m	0,050	
42	Tê HDPE D160/160 - Hàn	cái	1,000	
43	Tê HDPE D160/110 - Hàn	cái	2,000	
44	Tê HDPE D160/90 - Hàn	cái	2,000	
45	Tê HDPE D90/90 - Nối vặn	cái	3,000	

STT	Mô tả công việc[2]	Khối lượng tham khảo[3]	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục[4]
46	Tê gang DN150/150 FFF-MJ	cái	1,000	
47	Tê gang DN100/100 FFF-MJ	cái	1,000	
48	Đai khởi thủy HDPE D160/34	cái	2,000	
49	Mối nối mềm DN150 FF-MJ	cái	3,000	
50	Mối nối mềm DN100 FF-MJ	cái	1,000	
51	MAMELON DN34	cái	2,000	
52	Bu gang DN150 BF-MJ	cái	5,000	
53	Bu gang DN100 BF-MJ	cái	2,000	
54	Bu gang DN80 BF-MJ	cái	2,000	
55	Co 45 độ HDPE D160 - Hàn	cái	8,000	
56	Co 90 độ HDPE D160 - Hàn	cái	2,000	
57	Co 90 độ HDPE D100 - Hàn	cái	2,000	
58	Co 90 độ HDPE D90 - Nối vặn	cái	1,000	
59	Côn giảm HDPE D160/90 - Nối hàn	cái	1,000	
60	Bích thép rỗng DN150mm+Bích HDPE D160	bộ	1,000	
61	Bích thép rỗng DN100mm+Bích HDPE D110	bộ	2,000	
62	Bích thép rỗng DN80mm+Bích HDPE D90	bộ	2,000	
63	Nối thẳng HDPE D90	cái	3,000	
64	Van gang DN150	cái	3,000	
65	Van gang DN100	cái	2,000	
66	Van gang DN80	cái	2,000	
67	Van bi D34	cái	2,000	
68	Van thu xả khí DN25	cái	2,000	
69	Khâu rút thau D34/27	cái	2,000	
70	Chụp van - Nắp chụp van HDPE D160	cái	7,000	
71	Thử áp lực đường ống nhựa D160mm	100m	34,000	
72	Công tác khử trùng ống nước D160mm	100m	34,000	
73	Nước súc rửa đường ống	m3	334,839	
II	**TUYẾN T2 ĐƯỜNG TÂN ĐÔNG - TÂN HÒA**			
74	Cào bóc lớp mặt đường bê tông Asphalt bằng máy cào bóc Wirtgen C1000, chiều dày lớp bóc ≤ 7cm	100m2	0,315	
75	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô tự đổ 7T, chiều dài lớp bóc ≤ 7cm	100m2	0,315	
76	Phá dỡ nền gạch tự chèn 110x220x60	m2	112,500	

STT	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục(4)
77	Cắt khe đường nhựa, nền bê tông	10m	87,000	
78	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng búa căn khí nén 3m3/ph	m3	19,575	
79	Đào đá 0x4, máy đào 0,4m3, đất cấp IV (70%)	100m3	0,044	
80	Đào đá 0x4 bằng thủ công, rộng ≤ 1m, sâu ≤1m, đất cấp IV (30%)	m3	1,890	
81	Đào đất đặt ống, bằng máy đào 0,4m3, đất cấp II (70%)	100m3	5,270	
82	Đào đường ống đất cấp II (30%)	m3	388,888	
83	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90 (70%)	100m3	1,303	
84	Đắp cát công trình bằng thủ công (30%)	m3	55,797	
85	Đóng cọc gỗ (hoặc cọc tràm) bằng máy đào 0,5m3, chiều dài cọc > 2,5m, đất cấp II	100m	12,900	
86	Chi phí mua tấm phên tre chặn đất	tấm	860,000	
87	Lắp dựng tấm phên tre	m2	860,000	
88	Rải vải địa kỹ thuật TS20 làm móng công trình	100m2	24,725	
89	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,9 (70%)	100m3	3,665	
90	Đắp đất nền móng công trình, nền đường (30%)	m3	320,129	
91	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi ≤ 1000m, đất cấp II	100m3	2,551	
92	Dây cảnh báo	m	2.150,000	
93	Lớp nilong chống thấm	100m2	1,958	
94	Hoàn trả lớp Đá 0x4, dày 200mm	100m3	0,063	
95	Hoàn trả gạch tự chèn 110x220x60	m2	112,500	
96	Hoàn trả Bê tông nền đá 1x2, mác 200	m3	19,575	
97	Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0 kg/m2	100m2	0,315	
98	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại BTNC12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 7cm	100m2	0,315	
99	Vận chuyển đá dăm đen, bê tông nhựa từ trạm trộn đến vị trí đổ, cự ly 4 km,	100tấn	0,019	

STT	Mô tả công việc[2]	Khối lượng tham khảo[3]	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục[4]
	ô tô tự đổ 10 tấn			
100	Vận chuyển đá dăm đen, bê tông nhựa từ trạm trộn đến vị trí đổ, vận chuyển 1 km tiếp theo, ô tô tự đổ 10 tấn	100tấn	0,019	
101	Đào cọc định vị, đất cấp II	m3	2,112	
102	Đắp đất nền móng công trình, nền đường	m3	0,652	
103	Bê tông cọc định vị đá 1x2, M200	m3	1,302	
104	Ván khuôn cọc định vị	100m2	0,141	
105	Cọc định vị (KT: 0,1x0,12x1m) - sơn màu xanh và ghi chú	cái	22,000	
106	Lắp đặt các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 35kg	cấu kiện	22,000	
107	Sơn cọc định vị	m2	4,136	
108	Gia công hệ khung dàn	tấn	0,159	
109	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn, sàn đạo trên cạn	tấn	0,159	
110	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	7,812	
111	Cung cấp và lắp đặt bulong và tán M16x200	cái	36,000	
112	Cung cấp và lắp đặt bulong và tán M14x80	cái	36,000	
113	Ống HDPE D160 - PN8 (Đào mương)	100m	21,500	
114	Ống HDPE D160 - PN8 (Qua cầu)	100m	0,500	
115	Ống HDPE D100 - PN8	100m	0,040	
116	Ống HDPE D160 gân thành đôi	100m	0,020	
117	Tê HDPE D160/110 - Hàn	cái	1,000	
118	Tê HDPE D90/90 - Nối vặn	cái	1,000	
119	Tê gang DN200/200 FFB-MJ	cái	1,000	
120	Tê gang DN200/150 FFB-MJ	cái	1,000	
121	Đai khởi thủy HDPE D160/34	cái	1,000	
122	Mối nối mềm DN200 FF-MJ	cái	1,000	
123	Mối nối mềm DN150 FF-MJ	cái	2,000	
124	MAMELON D34	cái	1,000	
125	Bu gang DN200 BF-MJ	cái	1,000	
126	Bu gang DN150 BF-MJ	cái	3,000	
127	Bu gang DN100 BF-MJ	cái	1,000	
128	Co 45 độ HDPE D160 - Hàn	cái	5,000	
129	Co 90 độ HDPE D100 - Hàn	cái	1,000	

STT	Mô tả công việc[2]	Khối lượng tham khảo[3]	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục[4]
130	Côn giảm HDPE D315/225	cái	1,000	
131	Côn giảm HDPE D160/90	cái	1,000	
132	Bích thép rỗng DN100mm+Bích HDPE D110	bộ	1,000	
133	Nối thẳng HDPE D90	cái	1,000	
134	Van gang DN200	cái	1,000	
135	Van gang DN150	cái	2,000	
136	Van gang DN100	cái	1,000	
137	Van bi D34	cái	1,000	
138	Van thu xả khí DN25	cái	1,000	
139	Khâu rút thau D34/27	cái	1,000	
140	Chụp van - Nắp chụp van HDPE D160	cái	3,000	
141	Thử áp lực đường ống nhựa D160mm	100m	22,000	
142	Công tác khử trùng ống nước D160mm	100m	22,000	
143	Nước súc rửa đường ống	m3	216,661	
III	**Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công**			
144	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	Hạng mục	1,000	
Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):			X1	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong HSYC, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với các hạng mục công việc nêu trong HSYC, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột "Mô tả công việc". Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán

cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng.

(2), (3) Các hạng mục công việc nêu trong HSYC và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương IV.

Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại các hạng mục công việc nêu trong HSYC. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong các hạng mục công việc nêu trong HSYC nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện các hạng mục công việc nêu trong HSYC thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng tổng hợp giá dự thầu.

(4) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá dự thầu. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

Mẫu số 05

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU (1)

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: *[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]*
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: *[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]*
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu *[tại nơi đăng ký]*:
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 06

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN

Tên nhà thầu: _____*[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*		
Ngày ký hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Giá hợp đồng	*[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]*		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	*[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]*	*[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	*[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]*		
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*		
Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại kể cả mã quốc gia, mã vùng]* *[ghi địa chỉ e-mail]*		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II (2)			
1. Loại kết cấu, cấp công trình	*[ghi thông tin trong hợp đồng]*		
2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện	*[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]*		
3. Quy mô thực hiện	*[ghi thông tin trong hợp đồng]*		
4. Phương pháp, công nghệ	*[ghi thông tin trong hợp đồng]*		
5. Các nội dung khác	*[ghi thông tin (nếu có)]*		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này. Trường hợp HSYC không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự thì bỏ qua Bảng này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 07A

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này) thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì HSĐX bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSĐX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	Họ và tên	Vị trí công việc
1	*[ghi thông tin họ và tên nhân sự chủ chốt trong HSĐX]*	*[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*
2		
…		

Mẫu số 07B

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
STT	**Tên**	**Căn cước công dân/ Hộ chiếu**	**Vị trí**	**Ngày, tháng, năm sinh**	**Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn**	**Tên người sử dụng lao động**	**Địa chỉ của người sử dụng lao động**	**Chức danh**	**Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại**	**Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)**	**Điện thoại/ Email**
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
…											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin trong HSĐX theo yêu cầu tại Bảng trên.

Mẫu số 07C

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/dự toán mua sắm/Chức vụ/Hợp đồng/Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	…	…	…
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]			
…	…			

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu.

Mẫu số 07D

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị thi công chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu đề xuất trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu thì Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế.

Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong HSĐX nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	Thông tin thiết bị							Hiện trạng		
	Loại thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)	Công suất	Năm sản xuất	Tính năng	Xuất xứ	Địa điểm hiện tại của thiết bị	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	Nguồn thiết bị (Sở hữu của nhà thầu/đi thuê/cho thuê/chế tạo đặc biệt)

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

STT	Chủ sở hữu					Thỏa thuận
	Loại thiết bị	Tên chủ sở hữu	Địa chỉ chủ sở hữu	Số điện thoại	Địa chỉ email	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án

Mẫu số 08

HỢP ĐỒNG XÂY LẮP, EPC, EC, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ[(1)]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):_____

Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II			
☐ Không có hoặc có 01 hợp đồng (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II. ☐ Có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm___ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.			
Năm	**Phần việc hợp đồng không hoàn thành**	**Mô tả hợp đồng**	**Tổng giá trị hợp đồng** (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:_____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 09A

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU[1]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ____ *(nhà thầu điền nội dung này)*		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC		
	Năm 1:	**Năm 2:**	**Năm 3:**
Tổng tài sản			
Tổng nợ phải trả			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) [2]			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các báo cáo tình hình tài chính bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 09B

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH [1]

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao[2], hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 09C Chương này.

Nguồn lực tài chính của nhà thầu		
STT	**Nguồn tài chính**	**Số tiền (VND)**
1		
2		
3		
4		
5		
...		
Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)		

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

NLTC = TNL – ĐTH

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;

- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (nêu tại Mẫu này);

- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nêu tại Mẫu số 09C).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II.

Trường hợp HSYC có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và trong HSĐX của nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét đáp ứng quy định tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu

chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu. Bản cam kết cung cấp tín dụng bao gồm các điều kiện để được ngân hàng cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về tín dụng vẫn được chấp nhận; bên cạnh việc sử dụng cam kết cung cấp tín dụng, nhà thầu vẫn phải kê khai thông tin theo Mẫu này và Mẫu số 09C.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

Mẫu số 09C

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN (1)

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, email)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A)(2)	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B)(3)	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
1						
2						
3						
4						
...						
A. Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)						

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành trong viên liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 10A

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ[1]

STT	Tên nhà thầu phụ[2]	Phạm vi công việc[3]	Khối lượng công việc[4]	Giá trị % ước tính[5]	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có)[6]
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSYC có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "Phạm vi công việc". Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu nhưng không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Mục 12.2 Chương I. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh được sử dụng nhà thầu phụ đối với phần công việc đảm nhận theo tỷ lệ % quy định tại Mục 12.2 Chương I.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản chụp được chứng thực các tài liệu này trong HSĐX. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 10B

BẢNG KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT[1]

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2.3 Chương II.

STT	Tên nhà thầu phụ đặc biệt[2]	Phạm vi công việc[3]	Khối lượng công việc[4]	Giá trị % ước tính[5]	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt[6]
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.

(3) Chủ đầu tư ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm các tài liệu này trong HSĐX.

Mẫu số 10C

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU[1]

STT	Tên công ty con, công ty thành viên[2]	Công việc đảm nhận trong gói thầu[3]	Giá trị % so với giá dự thầu[4]	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Mẫu số 11

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

STT	Công trình	Địa điểm	Thời gian hoàn thành công trình		Thời gian hoàn thành công trình do nhà thầu đề xuất *[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]*
			Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất *[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]*	**Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất** *[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]*	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xây dựng đài nước, tuyến ống	Xã Tân Tập, tỉnh Tây Ninh	1	120	

Ghi chú:

(2), (3), (4), (5): Chủ đầu tư điền theo yêu cầu tại Chương IV.

(6): Nhà thầu đề xuất.

Phần 2. YÊU VẦU VỀ XÂY LẮP

Chương IV. YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP

I. GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

1. Giới thiệu chung

- Tên công trình: Xây dựng đài nước, tuyến ống.
- Tên gói thầu: Xây lắp.
- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp nước cấp IV.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án xã Tân Tập.
- Nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách xã.
- Địa điểm xây dựng: Xã Tân Tập, Tỉnh Tây Ninh.
- Mục tiêu đầu tư xây dựng: Việc đầu tư Xây dựng đài nước, tuyến ống là cấp thiết nhằm giải quyết trình trạng thiếu hụt áp lực và lưu lượng cho khu vực vùng hạ xã Tân Tập, đặc biệt là khu vực dọc đường đê Vĩnh Tân, kết nối mạng lưới vùng đảm bảo cấp nước an toàn, đáp ứng kịp thời dùng nước của người dân trên địa bàn xã Tân Tập.
- Quy mô đầu tư xây dựng: *(Chi tiết xem Hồ sơ thiết kế đính kèm theo HSYC).*

2. Phạm vi công việc và thời gian hoàn thành gói thầu:

- Phạm vi công việc của gói thầu: Thực hiện công tác Thi công Xây dựng theo Hồ sơ thiết kế được duyệt và theo nội dung tại Mẫu số 04A "Bảng tổng hợp giá dự thầu" thuộc Chương III của HSYC.
- Thời hạn hoàn thành: tối đa **120 ngày** (Kể cả ngày lễ và ngày nghỉ).

II. YÊU CẦU VỀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

- Thời gian thực hiện hợp đồng: tối đa là **120 ngày** (kể cả ngày lễ và ngày nghỉ), không bao gồm thời gian thực hiện hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, bảo trì công trình.
- Nhà thầu phải lập tiến độ thi công dự thầu bảo đảm thể hiện rõ tiến độ thi công tổng thể cho từng hạng mục công trình yêu cầu và tiến độ thi công chi tiết cho từng đoạn, phân đoạn hoặc từng hạng mục công việc phù hợp với tổng mức thời gian dự kiến thi công do nhà thầu đề xuất.
- Tiến độ thi công do nhà thầu lập có thể lập theo tiến độ: Ngày/Tuần/Tháng/Năm nhưng phải đảm bảo thời gian thi công trong bảng tiến độ chi tiết phù hợp với tiến độ thi công tổng thể từng hạng mục công trình.

III. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT/CHỈ DẪN KỸ THUẬT

III.1 Quy định chung

1. Giới thiệu:

- Phần Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật này trình bày các yêu cầu cơ bản về kỹ thuật thi công, theo dõi và kiểm soát chất lượng, xử lý và sửa chữa các sai sót, đo đạc và nghiệm thu cho các hạng mục công việc trong quá trình thi công các hạng mục của công trình.

- Phần Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật này là một bộ phận của Hợp đồng do đó việc Nhà thầu không tuân thủ đúng đắn các yêu cầu kỹ thuật cơ bản nêu ở đây trong quá trình thực hiệp Hợp đồng sẽ được xem như là Nhà thầu đã vi phạm Hợp đồng.

- Tùy thuộc vào loại công trình thi công và các hạng mục công việc cụ thể khi thực hiện Hợp đồng Nhà thầu phải tham chiếu đến các yêu cầu kỹ thuật tương ứng để đánh giá và thực hiện đầy đủ, đúng đắn yêu cầu đó.

2. Tham khảo tiêu chuẩn xây dựng:

- Tuân thủ theo hướng dẫn của Nghị định 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Tuân thủ theo hướng dẫn của Thông tư 33/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về đánh giá an toàn công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với các công trình thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng

- Tuân thủ Hồ sơ thiết kế được duyệt theo Quyết định số 4807/QĐ-UBND ngày 12 tháng 05 năm 2026 của UBND xã Tân Tập và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Trong trường hợp Nhà thầu xét thấy có sự khác biệt hay mâu thuẫn giữa các quy định trình bày ở đây và các quy định trong tiêu chuẩn xây dựng thì Nhà thầu phải yêu cầu Chủ đầu tư xem xét và chỉ dẫn thực hiện.

- Ngoài việc tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Hồ sơ thiết kế được duyệt, nhà thầu thi công còn phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành khác.

3. Theo dõi và kiểm tra chất lượng:

a. Chương trình đảm bảo chất lượng:

- Dịch vụ cung cấp để thực hiện các yêu cầu của Điều kiện sách phải được phù hợp với các yêu cầu của chương trình đảm bảo chất lượng do Nhà thầu lập ra.

- Chương trình đảm bảo chất lượng được dẫn chứng bằng số liệu với đầy đủ chi tiết để cam đoan với Chủ đầu tư rằng các yêu cầu của Điều kiện sách sẽ được đáp ứng thực hiện công việc và chương trình này ít nhất cũng sẽ cung cấp yêu cầu mà chương trình tuân theo

b. Tiêu chuẩn chất lượng:

- Khuyến khích các Nhà thầu áp dụng phương pháp quản lý khoa học theo mô hình quản lý chất lượng dựa trên tiêu chuẩn ISO 9000.

c. Tài liệu chứng minh:

- Kế hoạch chất lượng sẽ gồm một hệ thống nhằm đảm bảo là tài liệu chứng minh cần thiết chứng nhận việc hoàn thành bất kỳ giai đoạn nào của công trình, việc sử dụng vật tư phù hợp, việc hoàn thành kiểm tra và thử nghiệm, tính có thể chấp nhận đối với các kết quả được lập ra, xem xét lại, lưu trữ, chuyển giao Cán bộ Giám sát trong thời hạn yêu cầu.

d. Thẩm tra:

- Kế hoạch chất lượng sẽ qui định công việc thẩm tra các hoạt động của Nhà thầu trong quá trình thi công nhằm xác định sự tuân thủ của tổ chức đối với các yêu cầu của hợp đồng và các thủ tục lập kế hoạch chất lượng.

4. Khả năng huy động lực lượng lao động và thiết bị thi công:

- Nhà thầu phải có biện pháp huy động máy móc thiết bị thi công nhằm đáp ứng được tiến độ công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Máy móc, thiết bị thi công và trang thiết bị văn phòng của Nhà thầu trên công trường trước khi thi công đều phải được kiểm tra về số lượng, chủng loại, tính năng và tình trạng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thiết kế đề ra và Hồ sơ đề xuất, đồng thời phải được TVGS ký xác nhận bằng văn bản mới được phép triển khai thi công. Không chấp nhận các loại máy móc thiết bị không có đăng kiểm hoạt động trên công trường.
- Nhân lực của Nhà thầu trên công trường đáp ứng đúng yêu cầu Hồ sơ đề xuất và phải được TVGS kiểm tra ký xác nhận bằng văn bản. Không chấp nhận các cán bộ kỹ thuật của Nhà thầu không có tên trong Hồ sơ đề xuất có mặt tại công trường nếu không được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản;
- Nếu có sử dụng Công nhân lao động (lao động phổ thông) cho gói thầu thì công nhân phải được sử dụng, bố trí theo đúng tay nghề, được đào tạo hiểu biết về an toàn lao động, phải được trang bị bảo hộ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

5. Nghiệm thu và thanh toán:

- Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thiết bị, nhân lực và phương tiện cần thiết cho cán bộ giám sát trong quá trình đo đạc và nghiệm thu các hạng mục công việc mà Nhà thầu đã thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và các yêu cầu kỹ thuật quy định.
- Nhà thầu, cán bộ giám sát và Chủ đầu tư phải tuân thủ đầy đủ và đúng đắn các quy định, thủ tục nghiệm thu công trình đã được qui định trong Quy trình Quản lý chất lượng công trình xây dựng bàn hành kèm theo Nghị định 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- Chủ đầu tư chỉ được thanh tóan cho các hạng mục công việc do Nhà thầu thi công đạt chất lượng và được cán bộ giám sát nghiệm thu một cách đúng đắn. Việc thanh toán phải tuân theo các điều khoản và điều kiện trình bày trong hợp đồng dựa trên khối lượng nghiệm thu thực tế và đơn giá của hạng mục công việc hay khoản gộp trình bày trong bảng kê khối lượng của hợp đồng.
- Tất cả các hạng mục công việc cần thiết mà Nhà thầu phải thực hiện đúng theo yêu cầu kỹ thuật quy định nhưng không được nêu trong hợp đồng thì được xem như đã bao hàm trong các hạng mục công việc khác có liên quan đã trình bày trong bảng kê khối lượng của hợp đồng.

III.2. Vật tư, vật liệu

1. Danh mục các vật tư, vật liệu chủ yếu yêu cầu:

Stt	Tên vật liệu	Quy cách, tiêu chuẩn	Nhãn hiệu, nguồn gốc, xuất xứ
1	Xi măng PCB40	Phù hợp với hồ sơ thiết kế	
2	Cát	Phù hợp với hồ sơ thiết kế	
3	Đá các loại	Phù hợp với hồ sơ thiết kế	
4	Bê tông thương phẩm	Phù hợp với hồ sơ thiết kế	

Stt	Tên vật liệu	Quy cách, tiêu chuẩn	Nhãn hiệu, nguồn gốc, xuất xứ
5	Sơn lót nội thất, ngoại thất	Phù hợp với hồ sơ thiết kế	
6	Cừ tràm	Phù hợp với hồ sơ thiết kế	
7	Ống nhựa HDPE	Phù hợp với hồ sơ thiết kế	
8	Vải địa kỹ thuật	Phù hợp với hồ sơ thiết kế	
9	Tê gang các loại	Phù hợp với hồ sơ thiết kế	

Lưu ý:

- Các loại vật tư, vật liệu dự thầu phải tuân thủ các yêu cầu được quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và các văn bản luật khác.

- Các loại vật tư, vật liệu: Nhà thầu đề xuất nhãn hiệu, nguồn gốc, xuất xứ theo quy định và nêu cụ thể nhà sản xuất (hoặc đơn vị khai thác).

2. Yêu cầu về chủng loại, quy cách, nguồn gốc xuất xứ vật tư thiết bị:

- Toàn bộ chủng loại, quy cách, nguồn gốc xuất xứ của vật tư, thiết bị sử dụng cho công trình sẽ được làm rõ chi tiết cụ thể trong quá trình thương thảo ký kết hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu và được chủ đầu tư ký thỏa thuận trước khi đưa vào sử dụng. Nhà thầu chỉ được phép sử dụng vật tư, thiết bị đã được sự chấp thuận Chủ đầu tư.
- Nhà thầu phải có bảng kê vật tư, thiết bị sử dụng cho công trình (có nêu rõ quy cách, nguồn gốc xuất xứ của vật tư, thiết bị).
- Những vật tư, thiết bị nào không có trong *"Bảng danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chủ yếu dùng cho công trình"* thì nhà thầu phải bảo đảm các vật tư, thiết bị đó có chất lượng đúng với yêu cầu và phù hợp với thiết kế Bản vẽ thi công công trình.
- Phải đảm bảo hợp quy đối với danh mục sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng theo quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/06/2023 và Thông tư số 41/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.
- Phải ghi nhãn cho tất cả các bao sản phẩm hoặc thể hiện trên giấy chứng nhận chất lượng cho lô sản phẩm (với sản phẩm không đóng bao). Việc ghi nhãn sản phẩm thực hiện theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 111/2021/NĐ-CP về ghi nhãn hàng hóa và các quy định pháp quy hiện hành khác có liên quan. Tất cả các nhãn sản phẩm phải có dấu hợp quy theo văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy.
- Quy định về bao gói (với sản phẩm đóng bao), ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản nêu trong tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm đó.

***Lưu ý**: Có những loại vật tư, thiết bị trong *"Bảng danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chủ yếu dùng cho công trình"* không thể hiện xuất xứ, nguồn gốc nhưng khi dự thầu nhà thầu phải thể hiện nguồn gốc, xuất xứ, tên thương hiệu rõ ràng đầy đủ mới xem là hợp lệ.

3. <u>Quản lý chất lượng hàng hóa, dịch vụ:</u>

Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng quy định của Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 như sau:

a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ yêu cầu (hoặc hồ sơ yêu cầu) phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

c) Nhà thầu đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ theo Bảng danh mục vật tư chủ yếu sử dụng cho công trình và quy định của hồ sơ hợp đồng với hồ sơ quản lý chất lượng được thực hiện cụ thể như sau:

- Chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất theo yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa;
- Chứng chỉ xuất xứ phải phù hợp với quy định của hợp đồng giữa nhà thầu cung ứng, bên mua hàng và phù hợp với danh mục vật tư, vật liệu đã được chủ đầu tư chấp thuận, phê duyệt đối với trường hợp nhập khẩu theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa;
- Giấy chứng nhận hợp quy theo quy định của các quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật có liên quan đối với vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị thuộc đối tượng phải thực hiện chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa;
- Các thông tin, tài liệu có liên quan tới vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình theo quy định của hợp đồng xây dựng;
- Các kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và yêu cầu của thiết kế được thực hiện trong quá trình thi công xây dựng công trình;
- Các biên bản nghiệm thu vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình theo quy định;

d) Trường hợp thay đổi chủng loại, nguồn gốc xuất xứ vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng:

- Trường hợp bất khả kháng do khách quan mà nhà thầu chứng minh được bằng văn bản và tài liệu kèm theo để chủ đầu tư xem xét, chấp thuận.
- Trường hợp nhà thầu có đề nghị thay đổi các hàng hóa có phiên bản sản xuất, năm sản xuất mới hơn so với hàng hóa ghi trong hợp đồng thì căn cứ nhu cầu sử dụng, chủ đầu tư được chấp thuận đề xuất của nhà thầu nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

  + Được nhà thầu thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư;

  + Hàng hóa thay thế và hàng hóa ghi trong hợp đồng thuộc cùng hãng sản xuất và có cùng xuất xứ (nước sản xuất, nhà sản xuất, nơi sản xuất);

+ Hàng hóa thay thế có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số và các yêu cầu kỹ thuật khác tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa ghi trong hợp đồng;

+ Phù hợp với nhu cầu sử dụng;

+ Đơn giá của hàng hóa không vượt đơn giá ghi trong hợp đồng.

+ Trường hợp khác phải được chủ đầu tư chấp thuận theo nguyên tắc:

+ Được nhà thầu thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư;

+ Hàng hóa thay thế có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số và các yêu cầu kỹ thuật khác tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa ghi trong hợp đồng;

+ Phù hợp với nhu cầu sử dụng;

+ Đơn giá của hàng hóa không vượt đơn giá ghi trong hợp đồng.

III.3. Kế hoạch bảo vệ môi trường – An toàn lao động – An toàn giao thông

1. Kế hoạch bảo vệ môi trường:

- Các tiêu chuẩn thi công được sử dụng đấu thầu và ký hợp đồng xây lắp bao hàm an toàn cho công nhân, môi trường và sức khỏe;
- Các hành động chính Nhà thầu cần thực hiện là: Lập kế hoạch và biện pháp quản lý các chất thải rắn và chất thải đất trong công trình;
- Các thủ tục về thao tác dỡ, thu hồi đối với các chất thải rắn do việc phá dỡ các công trình cũ phải được vận chuyển đến đúng nơi quy định;
- Đổ và ổn định bùn cát nạo vét từ các hố móng công trình, vận chuyển đến bãi thải quy định hoàn toàn không làm ảnh hưởng đến đất canh tác, sinh hoạt cũng như nguồn nước của nhân dân. Trường hợp đồ án không quy định bãi thải Nhà thầu vẫn phải thực hiện vận chuyển vật liệu thải đến bãi thải công cộng. Phần chi phí này Nhà thầu phải đưa vào giá dự thầu khi lập Hồ sơ dự thầu;
- Chọn vị trí bãi thải, cách xử lý chất thải phải hợp lý, đúng theo quy định Pháp luật;
- Tại bãi thải, Nhà thầu không được để lầy lội bùng nhùng và lấp một công trình nào gần đó, vị trí bãi thải được tính toán sao cho khi có mưa lớn, hoặc lũ sẽ không ảnh hưởng đến đời sống nhân dân quanh vùng;
- Tuyệt đối Nhà thầu không được thải các chất dễ gây ô nhiễm cho nguồn nước như: Xăng, Dầu, các sản phẩm nhựa… xuống lòng hồ, sông hoặc bất cứ nguồn nước nào;
- Lập kế hoạch và biện pháp quản lý về giao thông đường bộ, đảm bảo việc thi công đạt chất lượng tốt và đảm bảo sự đi lại trong khu vực, an toàn cho mọi phương tiện giao thông, tránh để cát bụi làm ô nhiễm không khí, gây ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân tại khu vực thi công;
- Có kế hoạch và biện pháp quản lý về thiết bị thi công và vật liệu, biện pháp bảo đảm an toàn cho thiết bị và công nhân, biện pháp chống cháy nổ, phòng lũ lụt trong thời gian thi công, biện pháp giữ gìn vệ sinh hiện trường thi công, xử lý an toàn nước thải, các khu vực vệ sinh, kế hoạch cung cấp nước uống có chất lượng tốt;
- Nhà thầu phải có biện pháp xử lý kịp thời đến việc ô nhiễm nguồn nước do quá trình thi công gây ra, các biện pháp này đều phải đệ trình và nhận được sự đồng ý chấp thuận của Chủ đầu tư;
- Hoàn trả lại mặt bằng đối với những khu vực sử dụng làm mặt bằng công trường, san trả lại các bãi vật liệu sau khi lấy đất đảm bảo đời sống nhân dân và sự phát triển bình thường của các cây trồng, vật nuôi;
- Tháo dỡ lán trại nhà kho và thu dọn vệ sinh mặt bằng trước khi bỏ hiện trường, bàn

giao công trình thi công chủ đơn vị khai thác sử dụng;

- Chủ đầu tư có quyền thực hiện kiểm tra định kỳ (hoặc không định kỳ) về an toàn trong thi công, vệ sinh của nhà thầu thi công, nếu phát hiện vi phạm thì sẽ tiến hành xử lý theo quy định và thông báo thời hạn cho nhà thầu khắc phục, sửa đổi. Nếu mức độ nghiêm trọng hơn, Chủ đầu tư có quyền ra lệnh tạm ngừng công việc để tiến hành cải thiện, tất cả trách nhiệm và hậu quả trên đều do nhà thầu đảm nhận và chịu trách nhiệm thực hiện.

2. An toàn lao động:

a/ Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn lao động trong suốt quá trình thi công nhằm đảm bảo an toàn cho người, vật tư, thiết bị và các công trình lân cận;

b/ Nhà thầu phải tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

c/ Ngoài ra còn phải tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy định hiện hành khác và tuân theo yêu cầu kỹ thuật dưới đây:

- Xung quanh khu vực công trường phải rào ngăn và bố trí trạm gác không cho người không có nhiệm vụ ra vào công trường.
- Tất cả nhân viên tham gia công trình phải tuân thủ theo quy định (Đội mũ bảo hộ an toàn, đeo thẻ nhận dạng,...), nhân viên thi công trong hiện trường phải có đủ tư trang bảo hộ lao động, khi thao tác ở trên cao phải được trang bị và đeo dây an toàn.
- Tất cả nhân viên khi thi công trên phạm vi công trường tuyệt đối Không hút thuốc lá (Có thể hút trong thời gian giải lao và phải ở nơi đã được quy định), Không uống rượu bia, Không được chơi cờ bạc dưới bất kỳ mọi hình thức và Không chứa chấp tệ nạn xã hội. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và phải đuổi người vi phạm ra khỏi công trường thi công;
- Khi nhân viên thi công cần phải tạm trú trên công trường thi công hoặc phạm vi gần khu vực thi công thì phải làm thủ tục khai báo đăng ký tạm trú, tạm vắng theo đúng quy định Pháp luật Việt Nam;
- Trong khu vực thi công, nếu có các đầu mối giao thông thủy, bộ đi qua thì Nhà thầu phải có sơ đồ chỉ dẫn rõ ràng từng tuyến đường cho các phương tiện lưu thông đúng quy định của luật an tòan giao thông hiện hành của Bộ Xây dựng và phải cử cán bộ làm nhiệm vụ điều tiết lưu lượng phương tiện giao thông qua lại trên khu vực xây dựng công trình, hoặc thỏa thuận hợp đồng với một cơ quan có chức năng để đảm nhận việc điều tiết lưu lượng giao thông đường thủy, đường bộ,... đảm bảo an toàn không gây ách tắc giao thông khu vực. Chi phí này do nhà thầu thực hiện và tính toán đưa vào giá dự thầu của mình.
- Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện phải được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.
- Công tác xây lắp phải dùng các loại giàn giáo và giá đỡ theo thiết kế thi công được Nhà thầu lập. Khi giàn giáo cao hơn 6m phải làm ít nhất hai sàn công tác, sàn làm việc bên trên và sàn bảo vệ bên dưới, khi làm việc đồng thời trên hai sàn thì khoảng cách giữa hai sàn này phải có sàn hay lưới bảo vệ. Cấm làm việc đồng thời trên hai sàn trong cùng một khoang mà không có biện pháp bảo đảm an toàn.
- Cấm sử dụng các gầu, ben chuyển vữa bêtông khi các nắp của chúng không được che đậy kín hoặc khi các bộ phận treo móc không đủ đảm bảo.
- Cấm vận chuyển vật liệu trên miệng hố móng khi đang có người làm việc ở dưới hố nếu không có biện pháp bảo đảm an toàn.

- Trong thời gian thực hiện thi công nếu xảy ra trường hợp tai nạn lao động hoặc thương vong về người, nhà thầu phải báo cáo ngay cho các nhà chức trách tại địa phương, cho Chủ đầu tư và lập báo cáo tối đa 24 tiếng sau khi xảy ra sự cố nộp cho Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm và tự lo giải quyết mọi hậu quả thiệt hại mà không được hưởng bất cứ chi phí nào thêm.

3. An toàn giao thông:

- Khi thi công các hạng mục trên phần mặt đường hiện hữu có xe đang lưu thông cần tổ chức các biện pháp để đảm bảo an toàn cho phạm vi công trường thi công.
- Khi thi công phải có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông cho các phương tiện lưu thông trên đoạn tuyến đang thi công.
- Trong quá trình thi công, phải đảm bảo hoạt động lưu thông trên tuyến vẫn bình thường Đơn vị thi công phải có biện pháp tổ chức tốt việc đảm bảo giao thông cho đến khi công trình bàn giao đưa vào sử dụng. Trong quá trình thi công cần đảm bảo không cho vật tư, xe thi công lấn chiếm phần đường lưu thông.
- Tổ chức các phương án tập kết vật liệu thích hợp nhằm tránh gây ách tắc lưu thông cho các hộ dân dọc hai bên tuyến.
- Các thiết bị thi công không được lấn chiếm phần mặt đường đang thông xe, xung quanh các thiết bị thi công có gắn biển "nguy hiểm" và dán đề can phản quang. Ban đêm tại vị trí thiết bị đậu nghỉ có đèn báo hiệu.
- Phải đặt đầy đủ các bảng và dụng cụ báo hiệu công trường hợp lệ ngày và đêm theo qui định hiện hành để thi công, sửa chữa các chỗ bị hư hại và ngay cả tại chỗ bị hư hại mà chưa tiến hành việc sửa chữa nhằm tránh mọi tai nạn giao thông.
- Bố trí các biển báo hiệu như biển báo hạn chế tốc độ, biển báo công trường, biển báo nguy hiểm… và các biển báo hiệu cần thiết khác ở cả 2 đầu công trường. Tất cả các biển báo này được sơn bằng sơn phản quang, giữa các biển báo được phân ranh giới thi công bằng dây mềm sơn đỏ trắng hoặc các hàng rào di động được chế bằng thép, sơn phản quang màu trắng đỏ.
- Dọc theo tuyến công trường đang thi công được đặt cọc tiêu, rào chắn, biển báo di động để giới hạn phần đường xe chạy và phạm vi thi công.
- Thi công ban đêm nhất thiết phải bố trí đủ đèn, đủ ánh sáng để các phương tiện giao thông hoặc người đi bộ nhận biết để né tránh.
- Phần đất đào lên phải được di chuyển ngay khỏi phạm vi công trường, trong trường hợp cho tập kết thì phải để gọn gàng.
- Đối với các nơi xử lý do đào với kích thước lớn và sâu, phải được rào chắn cả 4 mặt với hàng rào có kích thước lớn hơn. Hàng rào được sơn trắng đỏ và lắp đặt biển báo phòng vệ, ban đêm phải có đèn chiếu sáng.
- Đơn vị thi công phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu có tai nạn giao thông xảy ra trong suốt thời gian thi công.
- Lập bảng thông báo thi công tại công trường theo quy định.

❖ **Ngoài các yêu cầu trên, Nhà thầu phải tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, Phòng chống cháy nổ, An toàn giao thông, bảo vệ môi trường và các vấn đề liên đới theo yêu cầu Hồ sơ thiết kế kỹ thuật – thi công và các quy định của Nhà nước.**

IV. CÁC BẢN VẼ: Bản vẽ kèm theo khi phát hành HSYC.

V. CÁC YÊU CẦU KHÁC: Không có.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

CHƯƠNG V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

A. Các quy định chung	
1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Bản vẽ" là các bản vẽ của công trình, bao gồm các bản vẽ, bảng tính toán, thông tin kỹ thuật của công trình theo hợp đồng và bất kỳ bản vẽ điều chỉnh hoặc bổ sung nào do Chủ đầu tư phát hành theo hợp đồng hoặc do nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư chấp thuận; 1.2. Biên bản nghiệm thu là biên bản được lập, phát hành theo quy định của pháp luật về xây dựng; 1.3. "Bất khả kháng" là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa; 1.4. "Chủ đầu tư" là bên thuê Nhà thầu thực hiện công trình và được quy định tại **ĐKCT**; 1.5. "Đại diện Chủ đầu tư" là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư. 1.6. "Bản xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình xây dựng" là văn bản được Chủ đầu tư phát hành trên cơ sở Nhà thầu đã khắc phục sửa chữa các sai sót của công trình trong thời hạn bảo hành công trình; 1.7. "Công trình" là các Công trình chính và Công trình tạm, hoặc một trong hai loại công trình này tùy từng trường hợp theo quy định **ĐKCT**; 1.8. "Công trình tạm" là các công trình cần thiết phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình; 1.9. "Công trình chính" là các công trình mà Nhà thầu thi công theo hợp đồng; 1.10. "Công trường" là khu vực được xác định trong **ĐKCT**; 1.11. "Giá hợp đồng" là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. 1.12. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu để thực hiện, hoàn thành công trình, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.13. "Năm" là năm dương lịch; 1.14. "Tháng" là tháng dương lịch; 1.15. "Ngày" là ngày dương lịch; 1.16. "Ngày hoàn thành" là ngày hoàn thành công trình được Chủ đầu tư xác nhận theo **ĐKCT**;

	1.17. "Ngày hoàn thành dự kiến" là ngày mà dự kiến Nhà thầu sẽ hoàn thành công trình. Ngày hoàn thành dự kiến được quy định tại **ĐKCT**; 1.18. "Ngày khởi công" là ngày được ghi trong **ĐKCT**. Đó là ngày chậm nhất mà Nhà thầu phải bắt đầu thực hiện công trình. Ngày khởi công không nhất thiết phải trùng với ngày tiếp nhận mặt bằng công trường; 1.19. "Nhà thầu" là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT**; 1.20. "Đại diện Nhà thầu" là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu. 1.21. "Nhà thầu phụ" là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc xây lắp; 1.22. "Nhà xưởng" là bất kỳ bộ phận không tách rời nào của công trình có chức năng cơ điện, hoá học hay sinh học; 1.23. "Sai sót" là bất kỳ phần nào của công trình chưa hoàn thành theo đúng hợp đồng; 1.24. "Sự kiện bồi thường" là các sự kiện được xác định theo Mục 48 ĐKC; 1.25. "Thay đổi" là các yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư làm thay đổi công trình; 1.26. "Thiết bị" là nhà xưởng, xe, máy móc của Nhà thầu được tạm thời mang đến công trường để thi công công trình; 1.27. "Thời hạn bảo hành công trình xây dựng" là thời gian Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình. Thời hạn bảo hành được tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao; 1.28. "Thông số kỹ thuật" là các yêu cầu kỹ thuật của công trình kèm trong Hợp đồng và bất kỳ thay đổi hay bổ sung nào được Chủ đầu tư đưa ra hay phê duyệt; 1.29. "Nhà thầu tư vấn" là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng. Tên nhà thầu tư vấn được quy định tại **ĐKCT**; 1.30. "Tư vấn thiết kế" là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình. 1.31. "Đại diện nhà thầu tư vấn" là người được nhà thầu tư vấn ủy quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà thầu tư vấn giao. 1.32. "Vật tư" là nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ, máy móc thiết bị sử dụng trong công trình; 1.33. "Thời gian thực hiện hợp đồng" được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.

2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Đối với trường hợp hoàn thành từng phần theo quy định tại **ĐKCT**, các thuật ngữ "Công trình", "Ngày hoàn thành" và "Ngày hoàn thành dự kiến" quy định tại ĐKC được hiểu là áp dụng tương ứng cho từng phần của Công trình. 2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.3 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.3. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng; g) HSĐX và các tài liệu làm rõ HSĐX của Nhà thầu; h) HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại **ĐKCT**. 2.4. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm: a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Thông báo	4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ "bằng văn bản" hay "văn bản" là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc dưới dạng điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài. 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau: a) Đặt cọc bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Chủ đầu tư hoặc Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp

	với thời gian thực hiện gói thầu; b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại **ĐKCT**. 5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng. 5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**.
6. An toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường	An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ 6.1. An toàn lao động a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận; b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn; c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật; d) Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động; đ) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động. Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra. 6.2. Bảo vệ môi trường a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải

	và thu dọn hiện trường; phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định; b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường; c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường. d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra. 6.3. Phòng chống cháy nổ: Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.
7. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư	7.1. Quyền của Chủ đầu tư: a) Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, giám sát nhưng không được gây cản trở hoạt động thi công bình thường của Nhà thầu và bất kỳ chậm trễ, trì hoãn hay yêu cầu bổ sung kéo dài nào trong việc kiểm tra/kiểm định của Chủ đầu tư thì đều không được tính vào tiến độ thi công của Nhà thầu; b) Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu. c) Trường hợp Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại phải thông báo cho Nhà thầu càng sớm càng tốt. Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều khoản hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải quyết định: - Số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thanh toán; - Kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót; Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo khoản này; - Các quyền khác theo quy định của pháp luật. 7.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư a) Xin giấy phép xây dựng theo quy định; b) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Nhà

	thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng; c) Thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về nhân lực chính của Chủ đầu tư tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng; d) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng; đ) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan; e) Xem xét và chấp thuận bằng văn bản đối với các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Chủ đầu tư không trả lời thì coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu; g) Chủ đầu tư phải có sẵn để cung cấp cho Nhà thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến hợp đồng.
8. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu	8.1. Quyền của Nhà thầu a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư. b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết. 8.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu a) Nhà thầu phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ. b) Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng. c) Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin. d) Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian quy định tại **ĐKCT**, nếu trong khoảng thời gian quy định Nhà thầu không trả lời thì được coi là Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư. 8.3. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những thông tin chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường. 8.4. Hợp tác - Nhà thầu phải có trách nhiệm hợp tác trong công việc đối với

	nhân sự của Chủ đầu tư và các Nhà thầu khác trong dự án. Hợp tác có thể bao gồm việc sử dụng các thiết bị, công trình tạm, đường vào công trường... của nhà thầu trong trường hợp cần thiết, cấp bách. Trong trường hợp này, nếu phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này. - Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường và phối hợp hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong HSYC của Chủ đầu tư. 8.5. Định vị các mốc - Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình. - Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó *(các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn),* nhưng Nhà thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng. 8.6. Điều kiện về công trường Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm: a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình khi mà trong HSYC hoặc tài liệu làm rõ đã có báo cáo khảo sát địa chất công trình; b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu; c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót. d) Các quy định của pháp luật về lao động; đ) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác. Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng. Nếu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng, hợp lý, thích ứng với điều kiện địa chất đó và phải tuân theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư đưa ra (nếu có). Trường hợp chỉ dẫn của Chủ đầu tư tạo ra sự thay đổi thì các bên có thể xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng theo Điều 15 ĐKC. 8.7. Đường đi và phương tiện Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về

	đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình. Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp. Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này: a) Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác; b) Nhà thầu *(trong quan hệ giữa các bên)* sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó; c) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn; d) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại; đ) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào; e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu sẽ do Nhà thầu chịu. 8.8. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác) a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn thời gian quy định tại **ĐKCT**, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị); b) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu. 8.9. Thiết bị Nhà thầu Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường. 8.10. Thiết bị và vật liệu do Chủ đầu tư cấp *(nếu có)* a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với thiết bị, vật liệu của mình cấp cho Nhà thầu. b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng thiết bị, vật liệu của Chủ đầu tư trong khi người của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển, sử dụng, quản lý hoặc kiểm soát nó.

	Chủ đầu tư phải cung cấp miễn phí, "các vật liệu do mình cung cấp" (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong hợp đồng. Nhà thầu phải kiểm tra những vật liệu này và phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo. Sau khi được kiểm tra, vật liệu cấp không sẽ phải được Nhà thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Nhà thầu không tách Chủ đầu tư khỏi trách nhiệm đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra. 8.11. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa. Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng. Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong trong thời gian quy định **ĐKCT** sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư, thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư. 8.12. Các vấn đề khác có liên quan Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này. Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết.
9. Quyền và nghĩa vụ của	Trường hợp Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án thì Nhà thầu tư vấn quản lý dự án có quyền và nghĩa vụ sau đây:

Nhà thầu tư vấn quản lý dự án (nếu có)	9.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này. Nhà thầu tư vấn không có quyền sửa đổi hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh nhà tư vấn như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu Nhà thầu tư vấn được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của Nhà thầu tư vấn, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu. Tuy nhiên, mỗi khi Nhà thầu tư vấn thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể mà cần có sự chấp thuận của Chủ đầu tư *(vì mục đích của hợp đồng)* thì được xem như Chủ đầu tư đã chấp thuận. Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì: a) Mỗi khi thực thi nhiệm vụ hoặc thực hiện một quyền hạn đã được xác định cụ thể hoặc bao hàm trong hợp đồng, Nhà thầu tư vấn được xem là làm việc cho Chủ đầu tư; b) Nhà thầu tư vấn không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào; c) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Nhà thầu tư vấn (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Nhà thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng. 9.2. Ủy quyền của Nhà thầu tư vấn Nhà thầu tư vấn có thể phân công nhiệm vụ và ủy quyền cho một số cá nhân nhất định sau khi được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Những cá nhân này có thể là một Nhà thầu tư vấn thường trú hoặc giám sát viên độc lập được chỉ định để giám sát hoặc chạy thử các hạng mục thiết bị, vật liệu. Sự phân công, ủy quyền hoặc hủy bỏ sự phân công, ủy quyền của nhà tư vấn phải thể hiện bằng văn bản và chỉ có hiệu lực khi nào Chủ đầu tư nhận được văn bản đó. Tuy nhiên, trừ khi có thỏa thuận khác của hai bên trong hợp đồng hoặc của Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn sẽ không ủy quyền để quyết định bất kỳ vấn đề gì. Các cá nhân này phải là những người có đủ trình độ, năng lực để thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền. Mỗi cá nhân được phân công nhiệm vụ hoặc được ủy quyền, chỉ được quyền đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu trong phạm vi được xác định trong sự ủy quyền. Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của một cá nhân phù hợp

	với sự ủy quyền sẽ có cùng hiệu lực như là việc thực hiện công việc của chính Nhà thầu tư vấn. Tuy nhiên: a) Bất kỳ một sự không thành công trong công việc, không chấp thuận một công việc, thiết bị hoặc vật liệu nào đó, sẽ không có nghĩa là sự phê duyệt và do vậy, sẽ không phương hại đến quyền của Nhà thầu tư vấn trong việc bác bỏ công việc, thiết bị hoặc vật liệu đó; b) Nếu Nhà thầu có điều gì hoài nghi đối với một quyết định hoặc chỉ dẫn nào đó của các cá nhân này thì Nhà thầu có thể nêu vấn đề đó với Nhà thầu tư vấn là người sẽ nhanh chóng khẳng định, đảo ngược hoặc thay đổi quyết định hoặc chỉ dẫn đó. 9.3. Chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn Nhà thầu tư vấn có thể đưa ra cho Nhà thầu bất kỳ lúc nào các chỉ dẫn và bản vẽ bổ sung hoặc sửa đổi cần thiết cho việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa mọi sai sót, tất cả phải phù hợp với hợp đồng. Nhà thầu sẽ chỉ nhận các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền. Chủ đầu tư phải tuân theo các chỉ dẫn do nhà tư vấn hoặc người được ủy quyền đưa ra về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến hợp đồng. Khi có thể, các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn và người được ủy quyền phải được đưa ra ở dạng văn bản. Trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền đưa ra chỉ dẫn bằng lời nói hoặc nhận được đề nghị chỉ dẫn bằng văn bản nhưng không trả lời bằng văn bản trong khoảng thời gian quy định tại **ĐKCT** thì đề nghị hoặc yêu cầu đó chính là chỉ dẫn bằng văn bản của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền *(trường hợp cụ thể do các bên quy định trong hợp đồng)*. 9.4. Thay thế Nhà thầu tư vấn Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Nhà thầu tư vấn thì phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của Nhà thầu tư vấn được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế Nhà thầu tư vấn bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích. 9.5. Quyết định của Nhà thầu tư vấn *(trường hợp Chủ đầu tư không thuê Nhà thầu tư vấn thì khoản này áp dụng cho chính Chủ đầu tư)* Những điều kiện này quy định rằng, Nhà thầu tư vấn *(thay mặt cho Chủ đầu tư)* sẽ tiến hành công việc theo khoản này để đồng ý hay quyết định một vấn đề, nhà tư vấn phải trao đổi ý kiến với từng bên để cố gắng đạt được sự thống nhất chung. Trường hợp không đạt được sự thống nhất, nhà tư vấn sẽ đưa ra một quyết định khách quan phù hợp với hợp đồng, có xem xét thích đáng đến những sự việc có liên quan.
10. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn giám sát	Trường hợp Chủ đầu tư thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng thì Nhà thầu tư tư vấn giám sát thi công xây dựng có quyền và nghĩa vụ sau đây: 10.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng

thi công xây dựng (nếu có)	Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao trong hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. Tư vấn giám sát có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này. Tư vấn giám sát không có quyền sửa đổi hợp đồng. Tư vấn giám sát có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh Tư vấn giám sát như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu Tư vấn giám sát được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của Tư vấn giám sát, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu. Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì: a) Tư vấn giám sát không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào; b) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Tư vấn giám sát (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Chủ đầu tư khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng. 10.2. Trách nhiệm của Tư vấn giám sát Giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình *(nếu không thuê tư vấn giám sát thì công việc này thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư)*. Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng. 10.3. Thay thế Tư vấn giám sát Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Tư vấn giám sát thì phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của Tư vấn giám sát được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế Tư vấn giám sát bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.
11. Nhà thầu phụ	11.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong HSĐX. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSĐX hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong HSĐX chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng;

	việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu; 11.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 11.1 ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại **ĐKCT**. 11.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu *(hoặc theo thỏa thuận khác của các bên)*. 11.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT**.
12. Hợp tác với các Nhà thầu khác	Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải hợp tác với các nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các nhà thầu khác, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về những thay đổi đó. Trường hợp có quy định trong Thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải hợp tác với và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Chủ đầu tư và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc này.
13. Nhân sự và Thiết bị	13.1. Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong HSĐX hoặc đã bổ sung để thực hiện công trình. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất trong HSĐX. 13.2. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu cho nhân sự của Nhà thầu thôi việc với lý do chính đáng, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn. 13.3. Trường hợp Chủ đầu tư xác định một nhân sự của Nhà thầu có các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình thì nhân sự đó sẽ bị buộc thôi việc theo Mục 13.2 ĐKC.
14. Điện, nước và an ninh công trường	14.1 Điện, nước trên công trường a) Trừ trường hợp quy định ở điểm b Mục này, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần. b) Nhà thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình

	mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư; Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Nhà thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Nhà thầu phải thanh toán theo quy định của hợp đồng. 14.2. An ninh công trường Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng: a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường; b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.
15. Bất khả kháng	15.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. 15.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 15.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 15.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 15.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo

	Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.
16. Rủi ro của Chủ đầu tư và Nhà thầu	Chủ đầu tư chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Chủ đầu tư, Nhà thầu chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Nhà thầu.
17. Rủi ro của Chủ đầu tư	17.1. Kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các rủi ro sau đây: a) Rủi ro về thương tích, tử vong đối với con người, mất mát hoặc hư hỏng tài sản (ngoại trừ Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị) do lỗi của Chủ đầu tư hoặc nhân sự của Chủ đầu tư; b) Rủi ro về tổn thất, hư hại đối với Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị do lỗi của Chủ đầu tư, do thiết kế của Chủ đầu tư hoặc do bất khả kháng. 17.2. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các rủi ro tổn thất hay hư hại công trình, nhà xưởng, vật tư, trừ trường hợp tổn thất hay hư hại đó bắt nguồn từ: (a) Một sai sót còn tồn tại vào ngày hoàn thành; (b) Một sự việc xảy ra trước ngày hoàn thành và không phải là rủi ro của Chủ đầu tư; (c) Các hoạt động của Nhà thầu trên công trường sau ngày hoàn thành.
18. Rủi ro của Nhà thầu	Nhà thầu chịu trách nhiệm về các rủi ro không phải là rủi ro của Chủ đầu tư, bao gồm rủi ro về thương tích, tử vong, mất mát hay hư hỏng tài sản (bao gồm cả công trình, vật tư, nhà xưởng, thiết bị) kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình.
19. Bảo hiểm	19.1. Yêu cầu về bảo hiểm được quy định tại **ĐKCT**. 19.2. Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ ba.
20. Bảo hành	20.1. Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải: a) Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian quy định tại **ĐKCT**; b) Trường hợp Chủ đầu tư trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành. 20.2. Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá

	trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.
21. Thông tin về Công trường	Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu các thông tin về Công trường được nêu trong **ĐKCT** và các thông tin khác có liên quan.
22. Bảo đảm an ninh Công trường	Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh Công trường. Người không có nhiệm vụ liên quan thì không được vào Công trường. Người được phép vào Công trường chỉ bao gồm Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư, người được Chủ đầu tư thông báo bằng bằng văn bản cho Nhà thầu về việc được phép vào Công trường (bao gồm các nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên Công trường). Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch đảm bảo an ninh Công trường. Nhà thầu phải (i) tiến hành kiểm tra lý lịch (nếu cần thiết) đối với các nhân sự thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh Công trường; (ii) đào tạo cho các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường (hoặc đảm bảo họ đã được đào tạo đầy đủ) về việc sử dụng vũ lực, và về thái độ ứng xử phù hợp đối với Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư và các cộng đồng bị ảnh hưởng; (iii) yêu cầu các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường tuân thủ quy định của pháp luật và các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật Nhà thầu không được cho phép các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường sử dụng vũ lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trừ trường hợp phòng ngừa và tự vệ phù hợp với bản chất và mức độ của các mối đe dọa. Khi bố trí công tác bảo đảm an ninh Công trường, Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật.
23. Cổ vật phát hiện tại Công trường	23.1. Bất kỳ đồ vật gì có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể được phát hiện tại công trường sẽ là tài sản của Nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp bảo vệ hợp lý, bao gồm lập hàng rào quanh khu vực có những phát hiện đó để tránh gây thêm tác động và ngăn ngừa Nhân sự của Nhà thầu hoặc những người khác di dời hoặc phá hoại các phát hiện đó. Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư về việc phát hiện này để giải quyết theo quy định của pháp luật. 23.2. Trường hợp việc thực hiện hợp đồng bị chậm do việc phát hiện cổ vật hoặc Nhà thầu phải tham gia việc xử lý, bảo quản, vận chuyển cổ vật thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét, giải quyết.

24. Quyền sử dụng Công trường	Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng Công trường cho Nhà thầu vào ngày quy định tại **ĐKCT**. Nếu một phần nào đó của Công trường chưa được giao cho Nhà thầu sử dụng vào ngày quy định tại **ĐKCT** thì Chủ đầu tư sẽ được xem là gây chậm trễ cho việc bắt đầu các hoạt động liên quan và điều này sẽ được xác định là một Sự kiện bồi thường.
25. Ra vào Công trường	Nhà thầu phải cho phép Chủ đầu tư hay bất kỳ người nào khác được Chủ đầu tư uỷ quyền ra vào Công trường và ra vào bất kỳ nơi nào đang thực hiện hoặc dự kiến sẽ thực hiện công việc có liên quan đến Hợp đồng.
26. Tư vấn giám sát	26.1. Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong Hợp đồng. 26.2. Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu về việc thi công xây dựng Công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của Tư vấn giám sát. Nhà thầu và nhà thầu phụ có trách nhiệm lưu giữ các tài liệu, báo cáo và sổ sách ghi chép chính xác và có hệ thống về Công trình, thể hiện rõ những thay đổi về thời gian và chi phí liên quan đến Công trình. 26.3. Trường hợp Chủ đầu tư thay đổi Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
27. Giải quyết tranh chấp	27.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 27.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì một bên có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định tại **ĐKCT**.
B. Quản lý thời gian	
28. Ngày khởi công và Ngày hoàn thành dự kiến	Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào Ngày khởi công quy định tại **ĐKCT** và phải tiến hành thi công công trình theo đúng Biểu tiến độ thi công chi tiết do Nhà thầu trình và được Chủ đầu tư chấp thuận. Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào Ngày hoàn thành dự kiến quy định tại **ĐKCT**.
29. Biểu tiến độ thi công chi tiết	29.1. Trong khoảng thời gian quy định tại **ĐKCT**, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết bao gồm các nội dung sau: a) Trình tự thực hiện công việc của Nhà thầu và thời gian thi công dự tính cho mỗi giai đoạn chính của Công trình; b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định được nêu cụ thể trong Hợp đồng; c) Báo cáo kèm theo gồm: báo cáo chung về các phương pháp mà Nhà thầu dự kiến áp dụng và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình; số lượng nhân sự và thiết bị của Nhà thầu cần thiết trên Công trường cho mỗi giai đoạn chính. Đối với hợp đồng trọn gói, các hoạt động trong Biểu tiến độ thi

	công chi tiết phải phù hợp với Bảng kê các hoạt động. 29.2. Nhà thầu phải thực hiện theo Biểu tiến độ thi công chi tiết sau khi bảng này được Chủ đầu tư chấp thuận. 29.3. Việc Chủ đầu tư chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết sẽ không thay thế các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu có thể điều chỉnh Biểu tiến độ thi công chi tiết (trong đó thể hiện rõ tác động của các Thay đổi và Sự kiện bồi thường) và trình lại cho Chủ đầu tư vào bất kỳ thời điểm nào. 29.4. Nhà thầu phải theo dõi tiến độ Công trình và trình Chủ đầu tư xem xét báo cáo tiến độ và Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật (trong đó thể hiện rõ tiến độ thực tế, tác động đối với các công việc còn lại) vào những thời điểm không muộn hơn thời gian quy định tại **ĐKCT**. Trường hợp Nhà thầu không trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm trên, Chủ đầu tư có thể giữ lại một số tiền quy định tại **ĐKCT** trong kỳ thanh toán tiếp theo. Số tiền này sẽ được thanh toán ở kỳ thanh toán kế tiếp sau khi Nhà thầu trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật. Đối với hợp đồng trọn gói, Nhà thầu phải nộp Bảng kê các hoạt động đã cập nhật trong vòng 14 ngày kể từ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư. Ngoài các báo cáo tiến độ, Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn trong Công trường, đã hoặc sẽ chắc chắn gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư hoặc Nhân sự của Nhà thầu. Điều này bao gồm bất kỳ sự cố, tai nạn gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng, ảnh hưởng bất lợi đáng kể. Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn xảy ra trong các cơ sở của các Nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp liên quan đến Công trình, đã hoặc sẽ chắc chắn gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư, Nhân sự của Nhà thầu, và Nhân sự của các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp, ngay khi được biết về nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn đó. Thông báo của Nhà thầu phải bao gồm đầy đủ thông tin về các sự cố và tai nạn như vậy. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ chi tiết về các sự cố hay tai nạn đó cho Chủ đầu tư trong khoảng thời gian được Chủ đầu tư chấp thuận. Nhà thầu phải yêu cầu các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp của mình lập tức thông báo cho Nhà thầu các sự cố và tai nạn như quy định trong Khoản này.
30. Thay đổi tiến độ thực hiện hợp đồng	Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn tiến độ thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau đây: 30.1. Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 30.2. Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;

	30.3. Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư; 30.4. Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu; 30.5. Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu. 30.6. Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình; 30.7. Các trường hợp khác được mô tả tại **ĐKCT.**
31. Đẩy nhanh tiến độ	31.1. Trường hợp Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước Ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà Nhà thầu đề xuất thì Ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư và Nhà thầu xác nhận. 31.2. Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.
32. Trì hoãn theo yêu cầu của Chủ đầu tư	Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ đối với bất kỳ hoạt động nào của Công trình.
C. Quản lý chất lượng	
33. Kiểm tra chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị	33.1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. 33.2. Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị quy định tại **ĐKCT** để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình. 33.3. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào. 33.4. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.
34. Yêu cầu về chất lượng, kiểm tra giám sát và nghiệm thu công việc	34.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng như sau: a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong HSYC phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

	b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định. 34.2. Kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư a) Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu phục vụ cho gói thầu để kiểm tra; b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở khu vực, trên công trường được quy định trong hợp đồng Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu. Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà thầu. Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lập, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Chủ đầu tư phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu việc Chủ đầu tư không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Nhà thầu có thể tiếp tục các công việc tiếp theo. Trong trường hợp Chủ đầu tư không tham gia quá trình này thì Chủ đầu tư không được khiếu nại về các vấn đề trên. 34.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành: Theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.
35. Xác định các sai sót trong công trình	Chủ đầu tư phải kiểm tra, đánh giá chất lượng công việc của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu về bất kỳ sai sót nào được phát hiện. Việc kiểm tra của Chủ đầu tư không làm thay đổi trách nhiệm của Nhà thầu. Chủ đầu tư có thể chỉ thị Nhà thầu tìm kiếm xem công trình có sai sót hay không và Nhà thầu phải kiểm tra, thử nghiệm bất kỳ phần việc nào mà Chủ đầu tư cho là có thể có sai sót.
36. Thử nghiệm	36.1. Nếu Chủ đầu tư chỉ thị Nhà thầu tiến hành một thử nghiệm không được quy định tại phần Thông số kỹ thuật nhằm kiểm tra xem có sai sót hay không và sau đó kết quả thử nghiệm cho thấy có sai sót thì Nhà thầu sẽ phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm. Nếu không có sai sót thì việc lấy mẫu, thử nghiệm đó sẽ được coi là một

	Sự kiện bồi thường. 36.2. Trước khi bắt đầu thử nghiệm, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt, điều chỉnh và sửa chữa. 36.3. Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành thử nghiệm cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư về thời gian, địa điểm tiến hành thử nghiệm của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình. 36.4. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc tham gia vào lần thử nghiệm. Nếu Chủ đầu tư không tham gia vào lần thử nghiệm tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành thử nghiệm và coi như việc thử nghiệm đã được tiến hành với sự có mặt của Chủ đầu tư, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên. 36.5. Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về các lần thử nghiệm và các bên ký biên bản thử nghiệm làm cơ sở thanh lý hợp đồng theo quy định.
37. Sửa chữa khắc phục Sai sót	37.1. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu về các Sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các Sai sót được sửa chữa xong. 37.2. Mỗi lần có thông báo về Sai sót trong Công trình, Nhà thầu phải tiến hành sửa chữa Sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Chủ đầu tư đã thông báo. 37.3. Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.
38. Sai sót không được sửa chữa	38.1. Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư), Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng. 38.2. Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật. 38.3. Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển

	khởi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.
39. Dự báo về sự cố	Nhà thầu cần dự báo sớm cho Chủ đầu tư về các sự việc có thể sắp xảy ra mà tác động xấu đến chất lượng công trình, làm tăng giá hợp đồng hay làm chậm trễ việc thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu dự báo về ảnh hưởng của sự việc này đối với giá hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải hợp tác với Chủ đầu tư để đưa ra các biện pháp khắc phục.
D. Quản lý chi phí	
40. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**.
41. Giá hợp đồng và bảng giá hợp đồng	41.1. Giá hợp đồng được ghi tại **ĐKCT.** 41.2. Đối với hợp đồng trọn gói, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc và thành tiền của các hạng mục đó. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các hạng mục công việc để hoàn thành công trình theo thiết kế được duyệt, bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng. Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá hợp đồng thay đổi. 41.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà Nhà thầu phải thực hiện và thành tiền của các hạng mục đó.
42. Tạm ứng	42.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại **ĐKCT**, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của Bảo lãnh tiền tạm ứng, giá trị chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng. 42.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu Bảo lãnh tiền tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích. 42.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ

	nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các Thay đổi Hợp đồng, các Sự kiện bồi thường, thưởng hợp đồng hoặc Bồi thường thiệt hại. 42.4. Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).
43. Hồ sơ thanh toán	43.1. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng trọn gói: a) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết; b) Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu. 43.2. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có); b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có); c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng; d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán. 43.3. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có); b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có); c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng hoặc đơn giá được điều chỉnh theo quy định của hợp đồng;

	d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán. 43.4. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra: a) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận khối lượng hoàn thành, mức độ hoàn thành theo quy định của Hợp đồng. b) Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, mức độ hoàn thành, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này.
44. Thanh toán	44.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày phải thanh toán theo thỏa thuận hoặc kế hoạch phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 44.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
45. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.
46. Tiền giữ lại	46.1. Mỗi lần thanh toán cho Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ giữ lại một phần theo quy định tại **ĐKCT** cho đến khi hoàn thành toàn bộ công trình. 46.2. Tiền giữ lại sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu khi kết thúc Thời hạn bảo hành và Chủ đầu tư đã xác nhận rằng mọi sai sót mà Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu trước khi kết thúc thời hạn đó đã được sửa chữa. Nhà thầu có thể thay thế tiền giữ lại bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
47. Sửa đổi hợp đồng	47.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng: a) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó; b) Thay đổi về thiết kế; c) Thay đổi các mốc hoàn thành và thời gian thực hiện hợp đồng; d) Các trường khác quy định tại **ĐKCT** 47.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 47.1 ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày hoàn thành phải được điều chỉnh

	tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày hoàn thành phải được thực hiện trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng. 47.3. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng. 47.4. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép. Việc điều chỉnh tiến độ thi công tuân thủ quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. 47.5. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng. 47.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây: a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết; b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu; c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng; d) Mô tả các công việc cần thực hiện. 47.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các công năng cần thiết của Công trình: a) Rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của Công trình; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại **ĐKCT** đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.

48. Sự kiện bồi thường	48.1. Các sự kiện sau đây sẽ được xem là Sự kiện bồi thường: a) Chủ đầu tư không giao một phần mặt bằng Công trường vào Ngày tiếp nhận Công trường theo quy định tại Mục 24 ĐKC; b) Chủ đầu tư sửa đổi lịch hoạt động của các Nhà thầu khác, làm ảnh hưởng đến công việc của Nhà thầu trong Hợp đồng này; c) Chủ đầu tư thông báo trì hoãn công việc hoặc không cấp Bản vẽ, Thông số kỹ thuật hay các chỉ thị cần thiết để thực hiện Công trình đúng thời hạn; d) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu tiến hành các thử nghiệm bổ sung nhưng kết quả không tìm thấy Sai sót; đ) Chủ đầu tư không phê chuẩn hợp đồng sử dụng Nhà thầu phụ mà không có lý do xác đáng, hợp lý; e) Điều kiện nền đất công trường xấu hơn nhiều so với dự kiến tại thời điểm trước khi có Thư Chấp Thuận mà dự kiến đó đã được đưa ra một cách hợp lý dựa trên các thông tin cung cấp cho các nhà thầu (bao gồm các Báo Cáo Khảo Sát Công Trường), các thông tin có sẵn khác và kết quả thị sát Công Trường. g) Chủ đầu tư yêu cầu giải quyết tình huống đột xuất hoặc công việc phát sinh cần thiết để bảo đảm an toàn công trình hoặc các lý do khác; h) Các nhà thầu khác và cơ quan, đơn vị liên quan hoặc Chủ Đầu Tư không làm việc vào các ngày đã nêu trong Hợp Đồng và không làm việc trong các điều kiện đã nêu trong Hợp Đồng, gây ra chậm trễ hoặc làm phát sinh chi phí cho Nhà Thầu. i) Tạm ứng chậm; k) Nhà thầu chịu ảnh hưởng từ rủi ro của Chủ đầu tư; l) Chủ đầu tư chậm cấp giấy chứng nhận hoàn thành công trình mà không có lý do hợp lý. 48.2. Nếu Sự kiện bồi thường làm tăng chi phí hay cản trở việc hoàn thành công việc trước Ngày hoàn thành dự kiến, giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng lên, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được gia hạn. Chủ đầu tư phải xem xét quyết định việc điều chỉnh giá hợp đồng và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. 48.3. Sau khi Nhà thầu cung cấp thông tin chứng minh ảnh hưởng của từng Sự kiện bồi thường đối với dự toán chi phí của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải xem xét, đánh giá và điều chỉnh giá hợp đồng cho phù hợp. Nếu dự toán của Nhà thầu không hợp lý thì Chủ đầu tư sẽ điều chỉnh giá hợp đồng dựa trên dự toán phù hợp theo đúng quy định do Chủ đầu tư lập. 48.4. Nhà thầu có thể không được bồi thường khi các quyền lợi của Chủ đầu tư bị ảnh hưởng nặng nề do việc Nhà thầu không cảnh báo sớm hoặc không hợp tác với Chủ đầu tư.
49. Phạt vi phạm và thưởng hợp đồng	49.1. Nhà thầu bị phạt theo mức quy định tại **ĐKCT** cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng số tiền quy định tại **ĐKCT**. Chủ đầu tư có thể khấu

	trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. 49.2. Việc bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**. 49.3. Việc thưởng hợp đồng được thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.
50. Công nhật	50.1. Trường hợp phát sinh Công nhật thì chi phí Công nhật do Nhà thầu đề xuất trong HSĐX sẽ chỉ được áp dụng khi Chủ đầu tư có thông báo trước bằng văn bản về việc các công việc phát sinh sẽ được thanh toán theo Công nhật. 50.2. Tất cả công việc thanh toán theo Công nhật phải được Nhà thầu ghi lại. 50.3. Nhà thầu được thanh toán các chi phí Công nhật sau khi Chủ đầu tư chấp thuận bản kê khai chi phí Công nhật.
51. Chi phí sửa chữa	Những tổn thất hoặc hư hại của Công trình hoặc Vật tư đưa vào sử dụng cho Công trình trong khoảng thời gian từ Ngày khởi công đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành sẽ do Nhà thầu sửa chữa và tự chi trả chi phí sửa chữa, nếu các tổn thất hay hư hại đó xảy ra do các hành động hay sơ suất của Nhà thầu.
E. Kết thúc hợp đồng	
52. Nghiệm thu	Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Nhà thầu ký xác nhận.
53. Hoàn thành	Nhà thầu phải yêu cầu Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận hoàn thành công trình và Chủ đầu tư sẽ cấp Giấy chứng nhận sau khi xác định Công trình đã được hoàn thành.
54. Bàn giao	Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình theo thời gian được quy định tại **ĐKCT** kể từ khi Nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình. Bàn giao hạng mục công trình, công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.
55. Bản vẽ hoàn công, hướng dẫn vận hành	55.1. Nhà thầu phải hoàn thành và nộp cho Chủ đầu tư bản vẽ hoàn công theo quy định của pháp luật hiện hành, tài liệu hướng dẫn quy trình vận hành thiết bị lắp đặt (nếu có) vào ngày quy định tại **ĐKCT**. 55.2. Nếu Nhà thầu không nộp bản vẽ hoàn công hoặc hướng dẫn vận hành vào ngày quy định tại **ĐKCT** hoặc các tài liệu này không được Chủ đầu tư chấp nhận, Chủ đầu tư sẽ giữ lại số tiền quy định tại **ĐKCT** từ khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu.
56. Quyết toán và thanh lý hợp đồng	56.1. Quyết toán hợp đồng Quyết toán hợp đồng xây dựng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và gồm các quy định sau: a) Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư hồ sơ quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận trong khoảng thời

	gian quy định tại **ĐKCT**, bao gồm các tài liệu sau: - Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng; - Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng; - Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu; - Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình; - Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng *(nếu có)*. b) Thời hạn Nhà thầu giao nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng không được quá số ngày quy định tại **ĐKCT**, kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có). 56.2. Thanh lý hợp đồng Thanh lý hợp đồng xây dựng theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và các quy định sau: a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp: - Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký; - Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật. b) Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật và không quá 90 ngày đối với những hợp đồng có quy mô lớn, phức tạp. 56.3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.
57. Chấm dứt hợp đồng	57.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt Hợp đồng nếu bên kia có vi phạm cơ bản Hợp đồng. 57.2. Các vi phạm cơ bản Hợp đồng bao gồm, nhưng không chỉ hạn chế ở các trường hợp sau đây: a) Nhà thầu dừng thi công 28 ngày trong khi việc dừng thi công này không có trong Biểu tiến độ thi công và chưa được Chủ đầu tư cho phép; b) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ Công trình và không rút lại chỉ thị này trong vòng 28 ngày kể từ ngày ban hành văn bản yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ; c) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; d) Nhà thầu có một giấy đề nghị thanh toán cho các khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu theo quy định nhưng không được Chủ đầu tư thanh toán trong vòng 28 ngày kể từ ngày Nhà thầu gửi đề nghị thanh toán;

	đ) Nhà thầu không sửa chữa những sai sót gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng Công trình trong khoảng thời gian mà Chủ đầu tư yêu cầu; e) Nhà thầu không duy trì Bảo lãnh tiền tạm ứng, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định; g) Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành Công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt; h) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng. 57.3. Khi Nhà thầu vi phạm Hợp đồng do một nguyên nhân khác ngoài các trường hợp liệt kê trong Mục 57.2 ĐKC nêu trên, Chủ đầu tư sẽ quyết định đó có phải một vi phạm cơ bản với Hợp đồng hay không. 57.4. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt, Nhà thầu phải ngừng công việc ngay lập tức, giữ Công trường an toàn và rời khỏi Công trường càng sớm càng tốt.
58. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng	58.1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu quy định tại Mục 57 ĐKC, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng của Nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu. 58.2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Chủ đầu tư quy định tại Mục 57 ĐKC hoặc do bất khả kháng, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi hương nhân sự mà Nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của Nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà Nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.
59. Tài sản	Tất cả Vật tư trên công trường, Nhà xưởng, Thiết bị, Công trình tạm và Công trình đều sẽ là tài sản của Chủ đầu tư nếu Hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu.
60. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng	Nếu việc thực hiện hợp đồng bị dừng lại do bất khả kháng thì Chủ đầu tư phải chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng. Nhà thầu phải bảo đảm an toàn cho Công trường và dừng công việc càng nhanh càng tốt sau khi nhận được giấy chứng nhận của Chủ đầu tư; Nhà thầu sẽ được thanh toán cho tất cả các công việc đã thực hiện trước khi có giấy chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng.

CHƯƠNG VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

A. Các quy định chung	
ĐKC 1.4	Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án xã Tân Tập. - Địa chỉ: ĐT.826C, ấp Tây, xã Tân Tập, tỉnh Tây Ninh. - Số điện thoại: 0906485818. - Mail: dtbantantap@gmail.com.
ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: - Tên gói thầu: Xây lắp. - Tên công trình: Xây dựng đài nước, tuyến ống. - Địa điểm xây dựng: Xã Tân Tập, Tỉnh Tây Ninh.
ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Xã Tân Tập, tỉnh Tây Ninh và được xác định trong bản vẽ số: .....
ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: _____.
ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: _____.
ĐKC 1.18	Ngày khởi công là _____.
ĐKC 1.19	Nhà thầu là: _____.
ĐKC 1.29	Tư vấn quản lý dự án là: _____. Tư vấn giám sát là: _____.
ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không yêu cầu.
ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: [liệt kê tài liệu]. a) Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu; b)Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật; c)Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; d) ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); e) Biên bản thương thảo, biên bản hoàn thiện hợp đồng; f) ĐKC của hợp đồng; g) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; h) Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng; i) HSĐX và các tài liệu làm rõ HSĐX của Nhà thầu; k) HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có); l) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT
ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: **3%** giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VII. Nếu các điều khoản của bảo đảm

	thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm: Nhà thầu phải thực hiện gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng, trong vòng 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu. nếu trong khoảng thời gian quy định Nhà thầu không trả lời thì được coi là Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.
ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 03 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____.
ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.
ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không có.
ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến khi công trình hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng Nhà thầu chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cho toàn bộ người lao động thi công trên công trường. Bảo hiểm về máy móc, thiết bị thi công của mình huy động đến công trường. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu. Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư và tư vấn giám sát một bản sao các hợp đồng bảo hiểm do Nhà thầu đã mua trước khi tạm ứng hợp đồng (hoặc thanh toán khối lượng hoàn thành).
ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: 365 ngày, kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Thông tin về công trường được thể hiện trong hồ sơ dự án và hồ sơ thiết kế gửi cho nhà thầu được lựa chọn.
ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Theo quy định chi tiết của hợp đồng.

ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong vòng 28 ngày *(Hai mươi tám)*. Giải quyết tranh chấp: + Khi phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ tiến hành thương lượng giải quyết bằng biện pháp hòa giải. + Trường hợp không đạt được thỏa thuận, tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định Pháp luật thông qua Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh (hoặc tòa án Khu Vực). Quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh (hoặc tòa án Khu vực) sẽ là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp theo các qui định hiện hành.
B. Quản lý thời gian	
ĐKC 28	- Ngày khởi công: Được chủ đầu tư thể hiện trong quyết định khởi công - Ngày hoàn thành dự kiến: Được chủ đầu tư thể hiện trong quyết định khởi công.
ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 03 ngày từ ngày ký Hợp đồng thể hiện đầy đủ các nội dung sau: a) Trình tự thực hiện công việc của Nhà thầu và thời gian thi công dự tính cho mỗi giai đoạn chính của Công trình; b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định được nêu cụ thể trong Hợp đồng; c) Báo cáo kèm theo gồm: báo cáo chung về các phương pháp mà Nhà thầu dự kiến áp dụng và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình; số lượng nhân sự và thiết bị của Nhà thầu cần thiết trên Công trường cho mỗi giai đoạn chính. Đối với hợp đồng trọn gói, các hoạt động trong Biểu tiến độ thi công chi tiết phải phù hợp với Bảng kê các hoạt động.
ĐKC 29.4	Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày có yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc tư Tư vấn giám sát công trình. Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 50.000.000 VND.
ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Không có.
C. Quản lý chất lượng	
ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Các thiết bị yêu cầu tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX nhà thầu phải cung cấp giấy chứng nhận đăng kiểm máy móc thiết bị còn hiệu lực. Nhà thầu có nghĩa vụ huy động thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay

	đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được thiết bị thi công chủ yếu theo hồ sơ đề xuất khi dự thầu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.
D. Quản lý chi phí	
ĐKC 40	Loại hợp đồng: Trọn gói.
ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định.
ĐKC 42.1	- Tạm ứng: thực hiện theo 01 trong 02 trường hợp sau: + Trường hợp 1: Không tạm ứng hợp đồng (thanh khối lượng thực hiện khi có khối lượng thực hiện hoàn thành) + Trường hợp 2: Có tạm ứng (nếu chủ đầu tư đã được phân bổ vốn theo kế hoạch). thực hiện theo các nội dung sau; *Tối đa: < 30% giá trị hợp đồng (hoặc theo kế hoạch vốn mà chủ đầu tư nhận được, nhưng tối đa < 30% giá trị hợp đồng) . *Tài liệu kèm theo: Được ghi trong hợp đồng và biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng.
ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: 1/ Phương thức thanh toán: chuyển khoản 2/ Hình thức thanh toán - Khi có khối lượng hoàn thành, các bên sẽ tiến hành nghiệm thu giai đoạn để làm cơ sở thanh toán cho nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ thanh toán bằng 80% giá trị hoàn thành được nghiệm thu cho đến khi lũy kế giá trị bằng 90% giá trị hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ thu hồi hết số tiền đã tạm ứng của gói thầu ngay lần thanh toán đầu tiên. - Khi có quyết định phê duyệt quyết toán và được phân bổ đủ vốn Chủ đầu tư sẽ quyết toán đến 95% giá trị được phê duyệt quyết toán, 5% còn lại sẽ chuyển vào tài khoản tạm giữ bảo hành của Chủ đầu tư. - Khi hết thời gian bảo hành công trình và có xác nhận hoàn thành công tác bảo hành thì Chủ đầu tư sẽ chuyển 5% còn lại cho nhà thầu. 3/ Hồ sơ thanh toán: - Nhà thầu sẽ nộp hồ sơ thanh toán 05 bộ đã được tư vấn giám sát xác nhận khối lượng thực hiện lên Chủ đầu tư để xem xét thanh toán. Và toàn bộ hồ sơ quản lý chất lượng công trình đến giai đoạn thanh toán có xác nhận của tư vấn giám sát. - Hóa đơn VAT cho đợt thanh toán.
ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: **Được phép.** Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong

	hợp đồng.
ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: **5%** giá trị quyết toán hoàn thành công trình.
ĐKC 47.1 (d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư và theo pháp luật hiện hành quy định.
ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
ĐKC 49.1	Phạt khi vi phạm hợp đồng: Mức phạt không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng xây dựng bị vi phạm. Ngoài mức phạt theo thỏa thuận, bên vi phạm hợp đồng xây dựng còn phải bồi thường thiệt hại theo thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng cho bên kia, bên thứ ba (nếu có) theo quy định của Luật xây dựng số 135/2025/QH15 và quy định khác của pháp luật có liên quan.
ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Có áp dụng. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
E. Kết thúc hợp đồng	
ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Chủ đầu tư sẽ điền vào khi trao hợp đồng.
ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trong vòng 15 ngày kể từ khi hoàn thành công trình (kể cả ngày nghỉ và ngày lễ). Nhà thầu có trách nhiệm nộp toàn bộ hồ sơ quản lý chất lượng và bản vẽ hoàn công công trình cho chủ đầu tư để trình cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra thống nhất và có văn bản chấp thuận nghiệm thu trước khi tổ chức nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: **226.940.000 VND.**
ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.

CHƯƠNG VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mục này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 12

THƯ CHẤP THUẬN HSĐX VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: ___ *[Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu]* (sau đây gọi tắt là "Nhà thầu")

Về việc: *Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số___ ngày___ tháng___ năm___ của _____ *[Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư]* (sau đây gọi tắt là "Chủ đầu tư") về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu_____ *[Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu]*, Chủ đầu tư thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu____ *[Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu.]* với giá hợp đồng là _____ *[Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện gói thầu là___ *[Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng:___ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];*

- Địa chỉ phương tiện điện tử:___ *[ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];*

- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng:___ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm[(2)]____ *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Phần 3 của HSYC với số tiền___ và thời gian hiệu lực___ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 ĐKCT của HSYC]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày___tháng___năm___[(3)] mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

Mẫu số 13

HỢP ĐỒNG [1]

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____

Thuộc dự án: _____

- Căn cứ[2] ___*(Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015)*

- Căn cứ[2] ____*(Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15))*

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* và Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____

- *Các căn cứ khác (nếu có).*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư:_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax:_____

E-mail: _____

Tài khoản:_____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư:_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax:

E-mail: _____

Tài khoản:____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền:_____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax:

E-mail: _____

Tài khoản:____;

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ngày ___tháng ___năm ___*(trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax:

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;

2. ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung chi tiết và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

4. ĐKC của hợp đồng;

5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

6. Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng;

7. HSĐX và các văn bản làm rõ HSĐX của Nhà thầu;

8. HSYC và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC (nếu có);

9. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:_____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].*

a) Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:

b) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

c) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

d) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra:

2. Phương thức thanh toán:_____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 44.1 ĐKCT].*

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng:_____ *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo ĐKCT].*

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 28 ĐKC, HSĐX và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ___ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số_____ ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSYC, HSĐX và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc.

Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định và chi phí dự phòng.

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(áp dụng cho hợp đồng trọn gói)

STT	Mô tả công việc (2)	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục (3)
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng:_____ *[Hệ thống tự tính]*			

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 14

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____*[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); (1)

Theo quy định trong HSYC *(hoặc hợp đồng)*, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng(3)]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5.2 ĐKCT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày _____ tháng _____ năm _____.(3)

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày _____ tháng _____ năm _____ (sau đây gọi là Hợp đồng)."

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 ĐKCT.

Mẫu số 15

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG [1]

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____*[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, _____ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở _____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng[2]]* (sau đây gọi là "ngân hàng"), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 42.1 ĐKCT].*

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày_____ tháng_____ năm _____ [3] hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 42.1 ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Mục 1.17 ĐKCT.

Mẫu số 16

GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____*[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của ____ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại ____*[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____*[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm____*[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* do ____*[ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu,

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp][2].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____*[ghi tên nhà thầu]*. ____*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____*[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ___bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.